

## PHẦN MỘT

# TRÍCH GIẢNG KINH A-HÀM

-----

### 1. Trả lời trong im lặng

Vua Ba Tư Nặc đến hỏi đạo Tỷ Kheo Ni Khe Ma.

Vua hỏi:

-Sau khi Phật Niết Bàn có còn chăng?

Bà Khe Ma đáp:

-Câu này Thế Tôn thường không trả lời.

Vua hỏi:

-Như vậy sau khi Phật Niết Bàn không còn chăng?

Bà đáp:

-Câu này Thế Tôn thường không trả lời.

Vua hỏi tiếp:

-Sau khi Phật Niết Bàn cũng còn cũng không còn chăng?  
Chẳng phải còn chẳng phải không còn chăng?

Bà Khe Ma cũng đáp:

-Câu này Thế Tôn thường không trả lời.

Vua lại hỏi:

-Vì sao không trả lời?

Bà đáp:

-Ví như trong nước có nhà toán học giỏi, thử bảo toán xem cát trong sông Hằng là bao nhiêu, toán được không?

Vua đáp:

-Không thể toán được.

-Lại bảo toán xem nước biển đại dương là bao nhiêu đấu, toán được không?

Vua cũng đáp:

-Không thể toán được.

Bà nói:

-Cũng vậy, Thế Tôn đã dứt sạch sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thấy có ta và của ta. Ngài đã vào chỗ thâm sâu không thể nghĩ lường được nên Phật không trả lời.

Vua lại đến hỏi Phật, Phật cũng đáp như vậy.

Vua khen:

-Hay thay! Hay thay! Phật và đệ tử đều nói không khác.

**BÌNH:** Sở dĩ hỏi Như Lai còn hay không còn là bởi trong lòng còn chứa cái niệm ta và của ta. Vì chấp năm uẩn là thật nên ta bản khoăn thắc mắc sợ tu hành rốt sau rồi không còn gì để nương tựa nữa, đó là còn nghĩ đến có thân để thụ hưởng. **Rõ ràng người đặt câu hỏi này hoàn toàn chưa thoát khỏi năm uẩn. Người đạt năm uẩn không thật, chẳng còn có niệm ta và của ta thì sự còn mất của nó đâu còn quan trọng nữa.**

Ví dụ có người đứng nơi bến tàu thấy có kẻ lên người xuống tấp nập, nhưng không hề ngó ngang gì tới cả. Bất chợt thấy có một người thân trong đó, tức liền chạy đến hỏi han: Đi đâu? Bao giờ trở lại? ... Vì sao thế? -Vi có liên hệ đến ta, còn thấy có ta là còn vương vấn. Trái lại bao nhiêu người khác, vì không

dính dáng gì đến ta, nên mặc tình họ đi đâu thì đi không cần để ý.

**Kết luận điểm này, hễ còn nghiệp là còn sanh, còn sanh thì còn có chỗ để nói. Như Lai đã hết nghiệp nên không có chỗ sanh, không có chỗ sanh nên không thể nói, do đó chỉ im lặng, dứt hết hý luận.**

## 2. Kinh rùa mù tìm bông cây

Một hôm Phật ở giảng đường Trùng Các bên hồ Di Hâu, tôi nghe như vậy:

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ Kheo: Ví như quả đất sụp thành bể cả, có một con rùa mù sống vô lượng kiếp, một trăm năm mới trồi đầu lên một lần. Trong biển có bông cây nổi chỉ có một lỗ trôi giạt trên mặt biển, theo gió sang đông tây, con rùa mù một trăm năm mới trồi đầu lên tìm bông cây, sẽ gặp được bông cây này chăng?

A Nan bạch:

-Không thể gặp, thưa Thế Tôn. Vì có sao? Vì con rùa này nếu đến bể đông, bông cây đã theo gió đến bể tây, nam, bắc bốn phía, chung quanh cũng vậy không thể gặp nhau.

Phật bảo A Nan:

-Con rùa mù tìm bông cây tuy sai lạc, nhưng có lúc gặp nhau, kẻ phàm phu ngu si trôi giạt trong ngũ thú tạm được thân người rất khó hơn con rùa mù kia tìm bông cây. Vì có sao? -Vì chúng sanh kia không hành nghĩa, không hành pháp, không hành thiện, không hành chơn thật, sát hại lẫn nhau, mạnh hiếp yếu, tạo vô lượng tội ác. Thế nên, Tỳ Kheo! đối Tứ Thánh Đế nếu chưa được vô gián đẳng, phải chuyên cần tìm phương tiện mong muốn tăng thượng, học vô gián đẳng.

Phật nói kinh này rồi, chư Tỳ Kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

**BÌNH:** Qua câu chuyện rùa mù Phật dẫn trên, chúng ta xét có trái với tinh thần “vô ngã” của Phật giáo không? Vì chủ trương của Phật giáo là phá ngã, thấy thân ngũ uẩn giả hợp như bèo bọt không nghĩa lý gì, tại sao ở đây lại quý thân?

Thật ra ở đây nói thân này “khó gặp” không phải quý thân, và quan trọng nó tự hồ một bảo vật để tôn thờ như người ta lầm tưởng, mà ý nghĩa quý là ở đây muốn nói đến trong cuộc sống, thời gian sống, phải làm gì cho đúng ý nghĩa của nó.

Ở đời có hai hạng người lầm chấp:

\* Hạng người thứ nhất quá bi quan đối với thân này, cho thân này là bất tịnh, là xấu xa đê tiện, tạm bợ... rồi muốn phá hoại cho nó tiêu tan, như câu chuyện: khi Phật còn tại thế, một hôm giảng đạo, Ngài nói về pháp “Quán thân bất tịnh”. Sau đó Ngài tuyên bố với chúng Tăng để cho Ngài ở yên một thời gian ba tháng, không ai được thăm viếng, chỉ trừ một người thị giả thôi. Sau ba tháng Ngài trở ra Ngài thấy số Tỷ Kheo bỗng nhiên thưa thớt đi. Ngài hỏi lý do thì Ngài A Nan thưa rằng: Sau khi nghe Thế Tôn giảng về pháp “Quán bất tịnh”, các Thầy Tỷ Kheo quán thấy thân này nhơ nhớp quá, nên một số các Thầy muốn người giết đi để khỏi còn thấy nó nữa. Phật liền họp các Thầy Tỷ Kheo lại, chế giới ngăn cấm “Không ai được muốn người giết, nếu muốn giết là phạm giới”. Đó là hạng thứ nhất.

\* Hạng người thứ hai thì trái lại, họ quá quan trọng thân này, quanh năm suốt tháng cứ một bề lo bồi bổ tưng tiu chiều chuộng cái thân, không dám dùng nó vào việc gì, mặc dù việc đáng làm và nên làm.

Hai hạng trên đều trái với tinh thần đạo lý Phật dạy. Phật nói thân này là vô thường, là bất tịnh... là chỉ rõ lẽ thật cho chúng ta nhận thấy để khỏi đắm mê mà chạy theo dục lạc. Khi hiểu rõ rồi chúng ta lại phải lợi dụng nó để tiến tu hoặc làm các việc lợi ích cho mọi người... chớ không phải hiểu lý vô thường để bi quan, chán đời rồi đi tự tử, thật là một điều lầm lẫn!

\* Với cặp mắt giác ngộ của người tu Phật, vẫn thấy thân này là giả tạm, vô thường, không đáng kể, nhưng họ vẫn giữ lấy thân này để làm phương tiện tiến tu. Như người muốn qua sông, vẫn biết khúc gỗ mục không đáng giá chút nào, nhưng lúc chới với giữa dòng sông cũng phải dùng nó làm chiếc phao khi mình chưa đến bờ. Có ai đại đột gì khi còn lênh đênh ngoài biển mà vội bỏ “bè” không? Cũng thế, khi ta chưa đạt đạo thì phải mượn thân này làm thuyền bè để đến bờ giác ngộ. Khi qua đến đó bỏ bè cũng không mượn gì. Nếu chưa đạt đạo mà vội hủy thân là một điều lầm lẫn đáng tiếc!

Trong kinh chép: Một hôm Phật khơi một chút đất dính nơi đầu móng tay đưa lên hỏi chúng hội: “Đất đầu móng tay nhiều hay đất quả địa cầu nhiều?”. Trong chúng hội đều đáp: “Bạch Thế Tôn, đất quả địa cầu rất nhiều, so với đất đầu móng tay có thấm vào đâu”. Phật kết luận: “Cũng thế, chúng sanh khi bỏ thân này rồi mà trở lại được thân người rất ít như đất đầu móng tay, còn đi vào các thú thì nhiều như đất quả địa cầu”. \*

Cũng ý này, cổ đức có câu: “Trăm năm cây sắt trở bông còn dễ, một phen mất thân này muôn kiếp khó tìm” (Thiên niên thiết thọ khai hoa dị, nhứt thất nhơn thân vạn kiếp nan)

Vì thế, chúng ta là hành giả đang đi trên lộ trình xa vạn dặm, phải có quan niệm chính xác đối với thân này để khỏi bị dở dang giữa đường mà chưa đạt đến bờ kia.

### 3. Kinh Nhơn Quả

Một hôm Phật ở nước Xá Vệ, rừng Kỳ Đà, vườn ông Cấp Cô Độc, tôi nghe như vậy: Khi ấy Vua Ba Tư Nặc đi đến chỗ Phật cúi đầu lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn. Bà La Môn chết rồi trở lại sanh trong dòng Bà La Môn chăng? Sát Lợi Tỳ Xá, Thủ Đà La cũng thế chăng?

-Đại Vương! Đâu được như vậy. Đại Vương nên biết có bốn hạng người:

1. Có người từ tối vào tối.
2. Có người từ tối vào sáng.
3. Có người từ sáng vào tối.
4. Có người từ sáng vào sáng.

Dại Vương! Thế nào là hạng người từ tối vào tối?

-Có người sanh trong nhà ty tiện hoặc nhà Chiên Đà La (Candala), nhà làm lưới bẫy, nhà đương lát, nhà thợ mộc và các nghề nghiệp hạ tiện, nghèo cùng, chết yếu, thân thể xấu xa mà lại làm những nghề hạ tiện, cùng bị người sai làm việc hạ tiện, ấy gọi là tối. Ở trong tối này, người kia lại thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do nhân ấy thân hoại mạng chung sẽ sanh cõi ác đọa địa ngục. Ví như có người tối vào tối, từ nhà xí vào nhà xí, dùng máu rửa máu, xả ác thọ ác, người từ tối vào tối cũng như thế.

Thế nào có người từ tối vào sáng?

-Có những người đời sanh trong gia tộc ty tiện, cho đến làm nghề hạ tiện ấy gọi là tối. Nhưng người kia ở trong chỗ tối này thân hành thiện, ý hành thiện, khẩu hành thiện. Do nhân duyên ấy thân hoại mạng chung sanh vào cõi lành được hóa sanh trên cõi trời. Ví như có người bước lên chông cỡi ngựa, từ ngựa lên voi, từ tối vào sáng cũng như thế.

Thế nào là người từ sáng vào tối?

-Có những người đời sanh trong gia tộc giàu sang hoặc nhà Sát Lợi giàu sang, hoặc nhà Bà La Môn giàu sang, nhà trưởng giả và các gia đình giàu sang nhiều tiền của, tài trợ, nhiều trí thức, thân tốt đẹp, thông minh trí tuệ, ấy gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác. Do nhân duyên ấy thân hoại mạng chung sanh cõi ác đọa địa ngục. Ví như có người từ lầu cao xuống cỡi voi, từ voi xuống lưng ngựa, từ ngựa xuống xe, từ xe xuống chông, từ chông xuống đất, từ đất rơi xuống hầm, từ sáng vào tối cũng như thế.

Thế nào là người từ sáng vào sáng?

-Có những người đời sanh trong gia tộc giàu sang cho đến hình tướng tốt đẹp. Ở trong chỗ sáng này thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện. Do nhân duyên này thân hoại mạng chung sanh cõi lành được hoá sanh cõi trời. Ví như có người từ lâu đẹp đến lâu đẹp, như thế cho đến từ chông đến chông, người từ sáng vào sáng cũng như thế. Khi ấy Thế Tôn nói bài kệ:

* Người bần cùng khốn khổ Sân tham tướng ác tà Thầy Sa Môn, Đạo sĩ Chê bai không khen ngợi Kẻ sĩ phu như thế Sẽ đọa trong địa ngục	Không tin thêm sân hận Đi mê không cung kính Người trì giới, đa văn Chướng người trí kẻ thọ Từ đây đến đời sau Từ tối vào nơi tối.
---	---

* Nếu có người bần cùng Thường sanh tâm tà quý Thầy Sa Môn, Phạm Chí Thấp mình và thăm hỏi Khuyên người khiến bố thí Người tu thiện như thế Cõi lành sanh lên trời	Tín tâm ít sân hận Bố thí lia sân tham Người trì giới, đa văn Tùy nghi khéo giúp đỡ Khen thí và người thọ Từ đây đến đời sau Từ tối vào nơi sáng.
--	---

* Có sĩ phu giàu vui Sân tham tật tướng ác Thầy Sa Môn, Phạm Chí Chướng ngại người bố thí Sĩ phu ác như thế Sẽ sanh địa ngục khổ	Không tin, nhiều sân hận Tà si không cung kính Chê bai không khen ngợi Cũng đọa người thọ thí Từ đây đến đời sau Từ sáng vào trong tối.
---	--

* Nếu có sĩ phu giàu Thường khởi tâm tà quý Thầy Sa Môn, Phạm Chí Trước kính đón, thăm hỏi	Tín tâm không sân hận Huệ thí lia sân đố Người trì giới, đa văn Tùy nghi cấp chỗ cần
---	---

Khuyên người khiến cúng dường    Khen thí và thọ thí  
Kẻ sĩ phu như thế                      Từ đây đến đời sau  
Sanh tam thập tam thiên              Từ sáng vào nơi sáng.

Phật nói kinh này rồi, vua Ba Tư Nặc nghe Phật nói hoan hỷ tùy hỷ làm lễ rồi lui đi.

**BÌNH:** Đọc qua bài kinh như quả trên, chúng ta thấy lý như quả của đạo Phật rất rộng rãi và phóng khoáng. Bởi một số đông người trong thế gian làm chấp, hễ người chết sanh cõi người, trời chết sanh cõi trời, thú vật chết sanh thú vật... Họ đâu biết cuộc sống của chúng ta là một dòng chuyển biến, chuyển biến liên tục từng sát na. Từ khi mở mắt chào đời là đã chịu quả báo của nghiệp nhân quá khứ. Dần dần thành một con người là nó tạo thêm nghiệp mới. Nếu gặp duyên lành ở trong hoàn cảnh tốt, gần Thiện Hữu Tri Thức dạy điều lành, điều tốt thì nó sẽ tiến lên các cõi lành. Trái lại gần người ác, hoàn cảnh xấu xa nhiễm theo nghiệp ác nó sẽ đọa xuống các cõi dữ. Như thế cứ tiếp tục thăng trầm từ đời này sang kiếp khác không bao giờ dứt (gây nghiệp trả quả báo, trả quả báo rồi gây nghiệp v.v...).

Vì thế ở đây Phật nêu lên bốn hạng người:

1. Người từ tối vào tối
2. Người từ tối vào sáng
3. Người từ sáng vào tối
4. Người từ sáng vào sáng

\* Hạng người thứ nhất là hạng người kém phước đức. Đời trước đã gieo nhân bất thiện nên hiện nay gặp quả báo sanh chỗ xấu ác. Thế mà họ chẳng biết làm thiện để chuyển đổi nghiệp nhân đau khổ, họ đành chịu quả khổ mãi mãi (như từ tối vào tối).

\* Hạng người thứ hai cũng ở trong hoàn cảnh xấu ác (của nghiệp quá khứ), nhưng họ biết chuyển nghiệp dữ thành nghiệp lành, tức họ hết khổ đau (như từ tối vào sáng).



\* Hạng người thứ ba là hạng người có phước đức, do đời trước tạo nhân tốt, đời này hưởng thụ quả lành, nhưng họ không biết tu tiến, cứ tha hồ thụ hưởng dục lạc, gây tạo ác nghiệp để rồi phải gặt hái quả đau khổ (như từ sáng vào tối).

\* Hạng người thứ tư, người này vừa có phước đức lại biết huân tu nghiệp lành, tránh xa nghiệp dữ. Người này mỗi ngày một tiến lên, tâm trí sáng ngời, tương lai họ sẽ lên quả giải thoát (như từ sáng vào sáng).

Tóm lại, trong bốn hạng người nói trên, có hai hạng người biết cầu tiến (hạng thứ hai và hạng thứ tư) và có hai hạng người không biết cầu tiến (hạng thứ nhất và hạng thứ ba). Như thế thì việc tu hành có tiến hay thoái đều do chúng ta có chịu chuyển đổi nghiệp nhân hay không, chứ không phải do ai định đoạt. Và nghiệp nhân cũng không phải cố định vĩnh viễn thiện ác... mà tùy chúng ta chuyển đổi đó thôi.

Biết được lẽ này, chúng ta mới nỗ lực tu thiện, đoạn ác và không kẹt vào hai chấp “THƯỜNG” và “ĐOẠN” của ngoại đạo.

## 4. Giữ gìn gia bảo

Một hôm Phật bảo các vị Tỳ Kheo rằng:

- Này các Tỳ kheo! Trong hàng đệ tử ta có chia làm bốn hạng người. Thế nào là bốn?

1. Hạng người ngoài chín trong sống.
2. Hạng người ngoài sống trong chín.
3. Hạng người ngoài sống trong sống.
4. Hạng người ngoài chín trong chín.

\* Thế nào là người ngoài chín trong sống?

Tức là những kẻ tu hành bên ngoài thấy thanh tịnh, nghiêm trang mà bên trong thì buông lung, tư tưởng không thể điều phục.

\* Thế nào là người ngoài sống trong chín?

Tức là những kẻ bên trong thanh tịnh nhưng ngoài thì hạnh thô tháo phóng túng.

\* Thế nào là người ngoài sống trong sống?

Tức là những kẻ trong ngoài đều không thanh tịnh.

\* Thế nào là người ngoài chín trong chín?

Tức là những người trong ngoài đều thanh tịnh.

Này các Tỳ Kheo! Chính hạng người sau cùng này mới là hạng thanh tịnh chơn thật, xứng đáng là người giữ gìn gia bảo Như Lai.

**BÌNH:** Đọc qua bốn hạng người trên, chúng ta mỗi người hãy tự kiểm điểm lại xem mình thuộc hạng nào?

Chúng ta có phải là kẻ chỉ lo trao gởi cái hình tướng bề ngoài cho trang nghiêm thanh tịnh, ra dáng tu hành tinh tiến lắm, nhưng trong lòng thì để rơm rác dầy dầy, chất chứa bao nhiêu là tư tưởng xấu xa, đen tối mà không hề có phút giây chiếu soi trở lại, điều phục lấy mình. Thật là hổ thẹn xiết bao. Có biết đâu đối người thì đặng, nhưng đối mình thì không thể được. Một khi như duyên chín mùi, chiếc áo đẹp bên ngoài rã nát, thì những gì chứa ẩn bên trong lâu nay nó bày hiện ra cả, nhân nào quả nấy, chúng ta tự thọ khổ, còn che đậy được đâu? Ngoài chín mà trong sống thì không thể dùng được.

Hoặc kẻ bên ngoài thì buông lung phóng túng, hạnh thì thô tháo, có ai nhắc nhở cho thì bảo: “Tôi tự giữ bên trong”. Thật lắm to! Nếu đã bên trong được thanh tịnh thì có gì lại hiện ra tướng thô tháo? Trừ một vài trường hợp Bồ Tát hiện thân đặc biệt, vì cảm hóa một số người nào đó, còn ngoài ra e rằng chúng ta bị ma mê hoặc mà không hay. Dù quả thật chúng ta có được trong lòng như thánh chẳng nữa, song chung quanh ta bao nhiêu người họ còn đang sống với phàm tình, đâu hiểu thấu được bên trong chúng ta thế nào. Do vậy, thấy hành động chúng ta quá thô, họ đâm ra hủy báng chánh pháp, chê bai Tam Bảo, vô tình chúng ta đưa họ vào con đường tội lỗi càng sâu. Như vậy là chúng ta cũng chưa tròn được bản nguyện tự lợi lợi tha.

Cho nên dù chúng ta có được trong lòng vô sự chẳng nữa, nhưng vì lợi tha cần phải cẩn thận oai nghi không thể thô xuất. Đừng để trong chín mà ngoài sống.

-Còn kể cả trong lẫn ngoài đều chẳng thanh tịnh thì sao? Hy vọng chúng ta không thuộc hạng này.

Hạng sau cùng trong tâm sáng ngời với trí tuệ, ngoài thân giới hạnh tinh nghiêm không chỗ kém khuyết. Gọi là “như ngọc lưu ly ngậm ánh trăng” suốt cả trong ngoài. Quả thật một bậc Trí và Hạnh tròn đầy, không để cho thế gian tìm thấy lỗi. Được như vậy thì khỏi phải cầu Như Lai thọ ký nhưng Thế Tôn đã tán thán lắm rồi. Vậy chúng ta có phải là hạng người này chăng?

**Xét kỹ lại, bốn hạng trên tuy nói riêng biệt, song nhìn lại trong mỗi chúng ta cũng tự có đủ cả, đâu lạ gì. Lúc ngoài thân thanh tịnh mà trong tâm thô động là hạng người thứ nhất chứ gì? Lúc ngoài thân tuy thô động mà trong tâm giữ gìn được thanh tịnh là ở hạng thứ hai. Lúc cả trong ngoài đều thô động là ở hạng thứ ba. Lúc trong ngoài đều thanh tịnh là ở hạng thứ tư. Hai hạng trước (hạng 1 và 3) thì thiếu thực tu, hạng thứ hai có tu nhưng còn chỗ khuyết điểm, chỉ hạng thứ tư mới là chơn thật tròn đầy.**

Tóm lại, nếu chúng ta chưa hẳn như hạng thứ tư này, thì phải cố gắng thêm lên cho được khế hiệp, sau này sẽ là bậc lợi lạc khắp như thiên.

## **5. Con vật nào mạnh hơn**

Trong Tương Ứng Bộ kinh, Phật kể câu chuyện: Như có sáu con thú: khỉ, dã can, cá sấu, chim, chó sói, rắn. Người ta bắt sáu con thú này cột chung lại một chùm. Mỗi con đều dùng hết sức mạnh của mình lôi mỗi hướng. (khỉ lôi lên cây, cá sấu lôi xuống biển, chim ưng bay lên hư không, dã can lôi vô gò má, rắn lôi vô hang, chó sói lôi vô bụi rậm). Trong trường hợp ấy

nếu con nào mạnh sẽ kéo những con khác theo hướng của mình nhắm.

Cũng thế, mỗi căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của phàm phu, nếu căn nào huân tập chủng tử mạnh, nó sẽ lôi cuốn các căn khác chạy theo nó. Ví dụ mắt bị nhiễm sắc chạy theo sắc thì tai cũng ảnh hưởng nhiễm nghe những tiếng của sắc. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như vậy. Vì thế, Tỳ Kheo các ông phải dùng cây trụ “THIÊN QUÁN” để cột sáu căn lại, khi vùng vẫy một nó sẽ đứng yên.

**BÌNH:** Phật nói sự tương quan của các căn. Căn đối với cảnh nó hấp dẫn tạo thành sức mạnh gọi là “NGHIỆP”. Bởi nghiệp mới có năng lực dắt dẫn chúng sanh luân hồi trong lục đạo.

**Vậy muốn chặn đứng động cơ tạo nghiệp, người tu phải dùng “THIÊN QUÁN” làm cây cột trụ để cột nó đứng lại. Thiên quán cách nào?**

**Quán thân năm uẩn này do duyên hợp tạm có rồi không. Đã do duyên hợp thì đâu có gì thật có và thường còn. Quán thấy rõ như thế thì không còn niệm đắm trước, là cắt đứt dòng tham ái và không còn tạo nghiệp, tức là ra khỏi vòng luân hồi vậy.**

Cũng trong Tương Ứng Bộ Kinh, Phật kể câu chuyện: Có một ông vua, một hôm đang ngồi bồng nghe bên cạnh có người khảy đàn tỳ bà, tiếng kêu thâm trầm lạnh lốt. Vua bảo đem đàn lại cho vua xem. Người khảy đàn đem cây đàn lại để trên bàn trước mặt nhà vua. Vua hỏi: “Sao nó không phát ra tiếng hay?”. Người kia giải thích: “Vì nó thiếu tay người khảy”. Vua bảo đem cây đàn ra chẻ từng mảnh và hỏi: “Tiếng đàn ở chỗ nào?”. Và cuối cùng vua bảo: “Nếu không tìm được tiếng đàn thì hãy đốt nó đi”. Khi đốt cây đàn thành tro, vua liền thổi tro bay theo mây khói, rồi nói: “Chỉ một chút đó mà làm mê hoặc bao nhiêu người”.

Thân ngũ uẩn giả hợp này cũng như cây đàn kia không khác. Đủ duyên thì giả hợp tạm có, khi duyên hết thì tìm lại nó còn đâu.

## 6. Động cơ gây ra khổ

Thôn trưởng Na Ca Đà hỏi Phật:

-Bạch Thế Tôn, nguyên nhân nào kích động các khổ?

Phật hỏi:

-Nếu trong thôn ông có người chết hoặc có người bị tai nạn, ông có buồn khổ không?

-Bạch Thế Tôn, có khi buồn khổ, có khi không.

-Tại sao?

-Nếu những người chết hoặc bị tai nạn ấy là bà con thân quyến của con thì con buồn khổ, trái lại là con không buồn khổ.

Phật kết luận:

-Gốc của sự buồn khổ là do lòng tham ái vậy!

**BÌNH:** Động cơ chính của khổ đau là lòng tham ái, mà cội gốc của tham ái là do chấp ngã mà ra. Từ chấp ngã nên có ngã sở, tức những liên hệ đến bản ngã như: tài sản, vợ con, quyến thuộc... Nếu được thì vui cố tình gìn giữ không khi nào dám lơ lửng, lỡ bị mất mát thì buồn bã, khổ đau... Vì thế trong Kinh Pháp Cú Phật dạy:

Do ái sanh lo (Do ái sanh ưu)

Do ái sanh sợ (Do ái sanh bố)

Nếu lìa ân ái (Nhược ly ân ái)

Đâu lo đâu sợ? (Hà ưu hà bố?)

## 7. Quả có theo nhân không?

Một cư sĩ đến hỏi Phật:

-Bạch Thế Tôn! Con nghe ngoại đạo nói người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối phải bị cảm thọ đau khổ có đúng chăng?

Phật đáp:

-Chưa đúng hẳn! Ví dụ: như có người ra trận giết được nhiều địch quân, khi về được vua phong thưởng. Như thế tuy sát sanh mà đâu có khổ. Trái lại nếu người ấy giết quan đại thần trong nước sẽ bị tội.

-Ví như có người đến đánh nước khác lấy được tiền của châu báu chở về nước mình sẽ được vua phong thưởng. Như thế tuy làm việc trộm cướp nhưng đâu có khổ. Trái lại, nếu trộm cướp của vua quan sẽ bị bắt bớ, tra tấn khổ sở.

-Ví như có người đến kẻ địch của vua đánh bắt gái đẹp đem về làm người hầu cho vua, sẽ được vua khen thưởng. Như thế tuy làm việc bất chánh cũng được vua phong thưởng đâu có khổ sở. Trái lại nếu tư tình với thê thiếp của vua quan sẽ bị hình phạt lưu đày.

-Ví như dùng mưu kế dôi gạt nước khác để chiếm lấy đất đai về cho nước mình sẽ được vua khen thưởng. Tuy là dùng lời dối gạt nhưng đâu có khổ. Trái lại, nếu nói dối với triều đình sẽ bị trừng trị.

**BÌNH:** Qua thí dụ Phật nói trên cho chúng ta thấy, người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối đâu nhứt định hiện đời phải chịu quả khổ (có kẻ khổ, người vui). Như thế nếu căn cứ lý nhân quả của Phật dạy có đúng chăng? **Tuy nhiên lý nhân quả không sai một mảy, chẳng qua chúng ta chỉ nhìn thấy trên hiện tại mà không biết quá khứ và không thấy được vị lai. Hễ tạo nhân nào thì kết quả nấy, như sát sanh phải đền mạng, trộm cướp phải trả nợ oan khiên.** Kinh Nhân Quả Phật nói: “Giả sử trăm ngàn muôn kiếp nghiệp

không mất, nhân duyên đến quả báo tự mình chịu". Vậy chúng ta phải có cái nhìn rộng rãi và thấu đáo lý nhân quả của Phật dạy, để khỏi lầm lẫn trong cuộc sống.

## 8. Tai hại ngũ dục

Một hôm Đức Phật kêu các thầy Tỳ Kheo đến nói: Ví như trên núi tuyết, chỗ đất bằng, người thú qua lại, có kẻ lấy nhựa cây gài bên thức ăn, để nhử đàn khỉ. Một vài con khỉ vì tham ăn, rời khỏi đàn tìm đến thức ăn lấy tay bốc. Ngờ đâu tay vừa bám vào liền bị nhựa dính cứng. Chú khỉ bèn lấy tay kia gỡ ra, thương thay! Lại dính luôn một tay nữa. Chú khỉ lại lấy chân mặt quào ra, và một chân nữa dính luôn vào nhựa. Tiếp theo chân trái đồng dính cứng cả. Khổ thay! Chú khỉ chỉ còn cái mõm, chú hy vọng dùng mõm để cạy may ra thoát khỏi. Nhưng than ôi! Nhựa cây kia cũng không chừa lại. Thế là hai tay, hai chân và cái mõm chú khỉ bị dính cứng vào nhựa cây. Thật đáng thương! Người thợ bẫy có thể xách chủ khỉ kia đi đâu tùy ý.

Này các Tỳ Kheo! Nhựa cây kia ví như ngũ dục, còn năm bộ phận (hai tay, hai chân, cái mõm) dính vào nhựa cây ví như năm căn:

- Mắt dính sắc
- Tai dính thanh
- Mũi dính mùi
- Lưỡi dính vị
- Thân dính xúc

Như chú khỉ kia khi năm bộ phận dính cứng vào nhựa cây thì tùy ý người kia đem đi. Cũng vậy, người nào năm căn dính cứng vào ngũ dục thì tùy ý ma dẫn đi. Tóm lại vì không chịu ở nơi địa vực của mình nên mới bị nạn khổ. Thế nào là ở địa vực của mình? Tức là quán Tứ Niệm Xứ. Người thường quán Tứ Niệm Xứ thì không bị lôi, không bị dẫn. Cũng như chú khỉ kia nếu ở trong đàn thì không bị ngộ nạn.

**BÌNH:** Ngũ dục vốn không hại người, chỉ tại người bỏ quên chánh niệm mà đắm mê ngũ dục. Như chú khỉ

kia vì ham ăn mà tách riêng ra khỏi đàn nên chịu khổ. Cho nên người tu không khó, chỉ đừng đắm mê ngũ dục. Nhưng ngũ dục vốn không lỗi, lỗi tại tâm dấy niệm, mà dấy niệm tức là động, động thì chẳng phải chánh niệm. Trái lại, tâm nếu không, thì cảnh vốn lặng, tuy ở trong ngũ dục mà thường giải thoát. Cho nên trong Tín Tâm Minh có câu: “Muốn đến nhất thừa, chớ ghét sáu trần. Sáu trần không ghét, hoàn đồng chánh giác”.

## 9. Hành động không cố định

Có một vị Ni Kiên Tử đến Phật nói rằng:

- Nếu sát sanh, trộm cướp, tà dâm... thì phải đọa địa ngục, và nếu làm việc gì ở thời gian dài thì ta sẽ hưởng điều đó.

Phật bảo:

-Ông nói như vậy không đúng. Tại sao? Vì nếu nói như ông thì trên thế gian này không mấy ai đọa địa ngục. Nếu làm việc gì thời gian dài sẽ hưởng điều đó, thì sát sanh, trộm cướp chẳng hạn, trong một ngày họ chỉ cần hành động chốc lát là xong, ngoài ra thời gian còn lại họ làm việc khác dài ra. Như vậy thời gian sát sanh thì ngắn, thời gian làm việc khác dài, do đó họ sẽ hưởng cái thời gian dài kia.

Thứ hai nếu nói sát sanh, trộm cướp, tà dâm phải đọa địa ngục thì trên đời này không có ai tu được cả. Vì sao? Vì tu hay không tu cũng phải đọa địa ngục thôi. Do đó, ta chỉ nói chớ sát sanh, trộm cướp, tà dâm... và nếu lỡ phạm thì phải sám hối sửa đổi.

**BÌNH:** Chúng ta thường có cái làm chấp cái gì cũng cố định cả. Thiện cố định là thiện, ác cố định là ác, bất di bất dịch. Chấp như vậy thì không có ai tu hành được. Nó cố định như vậy rồi, có tu đi nữa cũng không thay đổi được gì, vô tình đưa nhau đến chỗ đánh liều, lỡ làm lỗi cho làm lỗi luôn, không còn hy vọng vươn lên. Vì vậy Phật, Ngài bác cái chấp tạo ác cố định đọa địa ngục, đem lại cho chúng ta niềm tin ở sự cải thiện. Hy vọng vươn lên trỗi dậy, đầu cam chịu giam mình mãi mãi trong



chỗ tối tăm tội lỗi. Còn nói nếu làm việc gì ở thời gian dài sẽ hưởng điều đó, giả sử thời gian dài ta làm việc thiện, chỉ thời gian ngắn làm việc sát sanh, trộm cướp... hỏi có phải đọa địa ngục không? Do đó hai câu này có điều mâu thuẫn nhau vậy.

## 10. Nguyên nhân có kiến chấp

Một cư sĩ (Theravada) hỏi Phật:

-Bạch Thế Tôn, tại sao ngoại đạo có 62 kiến chấp? Như họ chấp: Thế giới thường còn, thế giới vô thường; thế giới hữu biên, thế giới vô biên; thân này thật có, thân này không thật có. Niết Bàn còn có, Niết Bàn không còn có...

Phật đáp:

-Do có thân kiến (chấp thân) nên có cái kiến chấp như thế. Vậy ông có biết thân kiến là gì không?

Cư sĩ thưa:

-Do chấp sắc uẩn là ta, là của ta; thọ uẩn là ta, là của ta; tưởng uẩn là ta, là của ta; hành uẩn là ta, là của ta; thức uẩn là ta, là của ta, đó là thân kiến.

Phật khen:

-Đúng thế!

**BÌNH:** Do chấp ngã (ngũ uẩn làm ta) nên có tranh tụng, từ đó sanh ra 62 kiến chấp. Nếu thấy được thân ngũ uẩn giả hợp này như điện chớp, như bọt nước, như sương mai thì các kiến chấp cũng theo đó mà dứt.

## 11. Kiết sử và bị kiết sử

Hai Tôn giả cãi nhau về kiết sử và bị kiết sử. Một vị bảo kiết sử và bị kiết sử tên tuy khác mà nghĩa đồng. Vị kia nói tên khác nghĩa khác. Hai vị cãi nhau nhưng không ngã lẽ đến cầu xin Phật giải quyết. Phật dạy:

-Dụ như hai con bò (một con đen, một con trắng) bị tròng vào một cái ách. Vậy con nào trói cột con nào, hay là tại cái ách trói cột cả hai con làm cho mất tự do?

Cũng thế, mắt thấy sắc “NIỆM DẤY KHỞI” tức trói cột (KIẾT SỰ), chớ sắc và mắt nguyên lai là vô sự. Năm căn kia: tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như vậy.

**BÌNH: Căn trần không lỗi mà lỗi bởi “THỨC”. Thức có phân biệt tốt, xấu... mới khởi niệm yêu, ghét; tham sân theo đó mà hiện.** Do có tham sân nên mới tạo thành nghiệp dẫn đi trong luân hồi. Trái lại nếu không khởi niệm yêu ghét, thì tham sân không khởi, tham sân không khởi thì không tạo nghiệp, không tạo nghiệp tức là dứt sanh tử.

Để sáng tỏ ý này, xin dẫn bài kệ của Cổ Đức:

Kiến sắc phi can sắc.

Thấy sắc không dính sắc.

Văn thính bất thị thính.

Nghe tiếng chẳng mắc tiếng.

Sắc thính vô ngại xứ.

Sắc tiếng nếu không ngại.

Thân đạo pháp vương thành. Thăng đến thành Pháp Vương

(Phật).

## 12. Tạo cái vui nào là nhân tốt

Một vũ kịch sư đến hỏi Phật:

-Con nghe ngoại đạo nói: Ai vũ kịch hay làm cho nhiều người vui, sau khi chết sẽ lên cõi trời Hý Tiếu, có phải vậy chăng?

Phật lặng thinh không đáp. Ông lặp lại câu hỏi trên ba lần. Phật mới nói:

-Người vũ kịch vui làm tâm người buông lung, ba độc (tham, sân, si) dấy khởi. Do tạo nhân ấy sẽ mắc quả báo sanh địa ngục Hý Tiếu.

**BÌNH:** Người ta dễ ngộ nhận cứ nghĩ nếu làm bất cứ việc gì cho người khác vui thích là được phước lành. Nhưng họ đâu biết vui có nhiều thứ. **Nếu vui trong tịch tĩnh, trong sáng dứt các vọng niệm, phù hợp với đạo lý là vui trong sạch, vui giải thoát.** Trái lại, nếu vui theo ngũ dục, chạy theo sắc đẹp, tiếng hay... làm tâm thần dao động, phiền não phát sanh là vui theo trần tục, kết tập nhân sanh tử.

Như vậy nếu người tạo nhân nào gây cho người khác vui nào, kết quả lên xuống rõ ràng không thể lầm lẫn.

### 13. Pháp vẫn còn đó

Ngài Xá Lợi Phất tịch, ông Cunda sau khi thiêu xong lấy Xá Lợi cùng y bát của Ngài đem đến để trình Phật. Ngài A Nan trông thấy buồn bã thưa với Phật:

-Ngài Xá Lợi Phất là Thầy giáo giới cho con, con thường tin tưởng nơi Ngài, mà nay đã tịch rồi! Ôi chán ngán quá! Con không còn đủ tinh thần để tu nữa!

Phật hỏi A Nan:

-Xá Lợi Phất tịch, nhưng giới uẩn có đem theo chăng?

-Thưa Thế Tôn, không đem theo.

-Định uẩn có đem theo chăng?

-Thưa Thế Tôn, không đem theo.

-Tuệ uẩn... cho đến giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn có đem theo chăng?

-Thưa Thế Tôn, không có đem theo.

Phật bảo:

-Như vậy Xá Lợi Phất tuy đã tịch nhưng “PHÁP” vẫn còn đó, ông cứ y đó mà tu hành, có gì phải buồn chán?

**BÌNH:** Chúng ta quen có thói hay trông cậy bên ngoài, mà ít khi tin tưởng nơi mình. Trên đường tu hành còn xa, nếu chúng ta không sáng suốt nhận ra chánh pháp để thực hành đem lại niềm tin vững chắc cho mình, cứ phải trông cậy nơi Thầy bên ngoài mãi, e có lúc chúng ta phải chới với giữa đường, không chỗ nương tựa. **Vị Thầy dù có thương xót giúp đỡ chúng ta, nhưng cũng giới hạn. Còn tự nhận ra “PHÁP” mới chính là ông Thầy chơn thật giúp chúng ta trên trọn quãng đường. “PHÁP” đó ở đây gọi là GIỚI, ĐỊNH, HUỆ, GIẢI THOÁT, GIẢI THOÁT TRI KIẾN. Chỗ khác gọi là Trí Tuệ Bát Nhã, Pháp Thân hay Bản Lai Diện Mục. Chúng ta khéo sống với cái ấy mới là chỗ nương tựa lâu dài, khỏi phải buồn lo mất mát, xa lìa. ✕**

## 14. Để quên hay để nhớ

Có một ông Bà La Môn tu Mật Tông đến hỏi Phật:

- Con có khi có những bài chú chưa từng học mà bỗng nhiên nhớ cả, có khi những bài chú đã học thuộc lòng mà lại quên, như vậy là sao?

Phật nói:

- Có hai nguyên do: \*Khi quên là bị năm món triền cái (tham, sân, thù miên, trạo hối, nghi hoặc) nó che đậy khiến tâm trí bị mờ đi, do vậy nên dễ quên. \*Khi nhớ, lúc rảnh rang tạm thời xa lìa năm món triền cái nên tâm trí sáng suốt nhớ được nhiều việc. Ví dụ như một bát nước trong, ta đem hòa vào màu xanh, màu vàng, đỏ... làm mất đi sự trong suốt, nên khi nhìn vào bát nước ta khó thấy được mặt mày. Cũng vậy, khi tâm có sự tham nhiễm thì làm mờ đi trí sáng suốt.

- Như bát nước trong đem đun sôi sùng sục, nhìn vào đâu thấy được mặt mày. Cũng vậy, lúc ta nổi sân thì tâm sôi động, bứt rứt, quên mất sáng suốt.

- Như bát nước trong bị rong rêu phủ, nhìn vào chẳng thấy được mặt mày. Khi thù miên, tâm trí mơ màng khó nhớ.

- Như bát nước trong bị lắc lư dao động, ta nhìn vào, mặt mày cũng dao động khó thấy. Cũng vậy, khi trạo hồi thì tâm không yên nên khó nhớ.

- Như bát nước trong, vừa quấy động, vừa để chỗ tối, lúc nhìn vào ta cũng không thấy được mặt mày. Cũng vậy, khi tâm nghi hoặc thì trí bị mờ, không nhớ được sự việc lâu xa.

Tóm lại, năm món triền cái (triền: trói buộc; cái: phủ che) thì trí nhớ lu mờ, không năm món triền cái thì trí nhớ sáng lẽ.

**BÌNH:** Điều này cho chúng ta thấy cái sáng suốt vốn sẵn có nơi tâm thể bình thường, chớ không từ đâu đem lại, chỉ vì tâm khởi thất thường trở thành điên đảo vọng động, nên cái sáng suốt ẩn đi như là tâm trong sáng bị che phủ bởi năm triền cái. **Muốn trí tuệ sáng soi, chúng ta cứ sống trở lại với tâm bình thường (như bát nước trong) thì năm món trói buộc kia không còn che phủ nữa, ngay đó trí tuệ hiện tiền không đâu xa cả.**

## 15. Cái già sẵn trong trẻ

Một hôm Đức Phật đi khát thực trong thành Xá Vệ trở về. Chiều hôm đó nghe trong người hơi lạnh, Ngài ra ngồi phơi nắng, vén y để lộ làn da lưng nhăn nheo. Thấy vậy, Ngài A Nan xoa lưng Phật than rằng:

- Ôi da dẻ Thế Tôn không còn láng mịn như thuở xưa nữa! Lưng Ngài đã hơi khòm tới trước, còn đâu những gì của thời trai tráng!

Phật bảo:

- Đúng thế A Nan! Già nó sẵn ở trong trẻ, cái chết nằm trong cái sống. Thân ta rồi đây cũng hư hoại một lúc nào đó không tránh khỏi.

**BÌNH:** Có sanh ắt có tử, có thành thì có hoại, sự vô thường hằng chi phối cả thế gian không chừa một ai. Dù Phật đi nữa, nhưng nếu còn mang cái thân giả hiệp này thì cũng đồng chịu

sự sanh, già, bệnh, chết, vô thường biến hoại. Vì sao? Vì nó là cái tử duyên mà được.

Có một số người thắc mắc: đã là Phật sao còn già, còn chết?

-Quả thật chúng ta lầm lẫn quá lớn. **Thành Phật phải đâu là thành cái da hôi thúi này, mà thành Phật là thành cái tâm trí tuệ thấy đúng lẽ thật.** Nếu nhận cái thân bầy, tám mươi năm này là Phật tức là hủy báng Phật vậy. Rõ ràng người này chưa thấy được CHÂN PHẬT. Thân vàng, tượng sáu, 32 tướng tốt nay còn đâu?

Thế mà có kẻ lại muốn luyện phép này phép nọ, hy vọng ôm giữ cái thân bèo bọt này cho đến ngàn năm muôn thuở, há có phải mê muội lắm chăng?

**Hiểu được lẽ này chúng ta cần phải nỗ lực tiến tu, vì cơn vô thường hằng đeo đuổi chúng ta không rời một giây phút nào, và cái chết chực sẵn bên ta không hẹn ngày giờ, nếu cứ để xuôi thông thả qua ngày e có lúc phải hối hận. Chúng ta còn có thì giờ để hẹn nay hẹn mai nữa sao?**

## 16. Có pháp môn nào

Hôm nay tôi đọc trong Tương Ứng Bộ Kinh thấy có một bài kinh chưa từng nghe. Bài kinh tựa là “Có pháp môn nào?”.

Phật nói rằng: “Này các Tỳ Kheo! Chẳng phải do niềm tin, chẳng phải do người truyền, chẳng phải do học vấn mà khi mắt đối với sắc, tai đối với thanh, mũi đối với hương... biết có tham sân si, không tham sân si thì cái biết ấy (biết có tham sân si, không có tham sân si) là pháp môn nào?”.

**BÌNH:** Nói có pháp môn nào đó như là quán Tứ Niệm Xứ, câu niệm Phật hay câu thoại đầu chẳng hạn; còn khi sáu căn đối sáu trần “BIẾT” có tham sân si hay không tham sân si thì cái “BIẾT” đó là pháp môn gì? Ai truyền? Do học mà được chăng? Như thế cùng với Thiền có khác nhau gì?

Như Ngài Tuyết Phong sau khi ở Đức Sơn về có vị Tăng hỏi:

- Hòa Thượng đến Đức Sơn được cái gì về đây?

Tuyết Phong đáp:

- Ta đi tay không về tay không.

Thử hỏi Ngài được cái gì? Cùng với trên có gì khác nhau? Cho nên Đức Sơn cũng nói: “Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người”.

Xưa nay chúng ta chỉ nghe Tổ nói, bây giờ mới nghe Phật nói, mà đây là bài kinh của Phật giáo nguyên thủy. Chúng ta mới thấy rõ từ trước Phật đã nói như thế rồi, chứ đâu phải Thiên là cái gì bày đặt ra. **Giờ đây qua cái biết vọng của chúng ta hằng ngày, có vọng “BIẾT” có vọng, không vọng “BIẾT” không vọng, thì cái “BIẾT” có vọng, không vọng, “BIẾT” đó là pháp môn gì? Ai truyền cho? Cùng với cái “BIẾT” có tham sân si, không tham sân si trong kinh đâu khác. Kia nói tham sân si, đây nói vọng tưởng hay vọng niệm vậy thôi.** Nhờ đọc trong kinh rồi, chúng ta mới có thêm niềm tin sâu xa vững chắc nơi đường lối tu của mình, không thì chúng ta cứ chạy Đông chạy Tây mãi rồi cuộc không đi đến đâu hết.

Vậy thì, có vọng “BIẾT” có vọng, không vọng “BIẾT” không vọng. Cái “BIẾT” này là PHÁP MÔN GÌ?

## 17. Kinh ngũ âm vô thường

Một hôm Phật ở xứ A Tỳ Bà (Ayyojjhà) bên cạnh sông Hằng, tôi nghe như vậy:

\* Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ Kheo: Ví như sông Hằng dòng nước chảy mạnh, kết tụ thành hòn bọt, người sáng mắt nhìn kỹ phân biệt, biết nó không thật không bền chắc. Vì cơ sao? Vì những hòn bọt kia bên trong không chắc thật như thế. Tỳ Kheo! Các sắc tướng, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô

tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo xem kỹ, suy xét phân biệt biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì cố sao? Vì “SẮC” không chắc thật vậy.

\* Chư Tỳ Kheo! Ví như mưa to bong bóng nước vừa hiện, chợt tan, người sáng mắt nhìn kỹ suy nghĩ phân biệt biết nó không thật, không bền chắc. Vì cố sao? Vì bong bóng nước kia không chắc thật vậy. Như thế Tỳ Kheo! Các thứ “THỌ” hoặc quá khứ vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo xem kỹ suy xét phân biệt biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì cố sao? Vì “THỌ” không chắc thật vậy.

\* Chư Tỳ Kheo! Ví như cuối mùa Xuân, đầu mùa Hạ trời không có mây, không chuyển mưa, khi mặt trời đứng trưa thấy ngựa năng chập chờn, người sáng mắt nhìn kỹ suy xét phân biệt biết nó không thật, không bền chắc. Vì cố sao? Vì những con ngựa năng kia không chắc thật vậy. Như thế, Tỳ Kheo! Các thứ “TUỔNG”, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo xem kỹ, suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì cố sao? Vì “TUỔNG” không chắc thật vậy.

\* Chư Tỳ Kheo! Ví như người sáng mắt đi tìm thứ gỗ rắn chắc, vác búa bén vào rừng, thấy cây chuối ngay thẳng, dài lớn liền chặt gốc, trảy ngọn, rồi lột lần từng bẹ một tron không thấy gỗ, nhìn kỹ, suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc. Vì cố sao? vì cây chuối kia không chắc thật vậy. Như thế Tỳ Kheo! Các thứ “HÀNH” hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo nhìn kỹ, suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì cố sao? Vì các thứ “HÀNH” kia không chắc thật vậy.

\* Chư Tỳ Kheo! Ví như thầy huyền thuật ở ngã tư đường cái, thuật ra những thứ tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh,



người có trí sáng mắt, nhìn kỹ, suy xét phân biệt biết nó không thật, không bền chắc. Vì có sao? Vì những thứ huyền thuật kia không chắc thật vậy. Như thế, Tỳ Kheo! Các thứ “THỨC” hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo nhìn kỹ, suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đám, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì có sao? Vì “THỨC” không chắc thật vậy.

Khi ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này nói bài kệ:

Quán sắc như hòn bọt	Thọ như bong bóng nước
Tưởng như ngựa sóng nắng	Chư hành như cây chuối
Các thức như huyền hóa	Bậc tôn quý đã nói
Chung quanh suy xét kỹ	Chánh niệm khéo quán sát
Không thật không kiên cố	Không có ngã, ngã sở
Đối thân khổ ấm này	Đại trí phân biệt nói
Người lia ba pháp kia	Thân đã thành vật bỏ
Thọ noãn và các thức	Lìa các thân phần này
Bỏ luôn ngoài nghĩa địa	Như cây không hiểu biết
Thân này hẩn như thế	Đối trá gạt kẻ ngu
Như giết, như trúng thương	Không có sự bền chắc
Tỳ Kheo cần tu tập	Quán sát ấm thân này
Ngày đêm hằng chuyên tinh	Chánh trí buộc niệm trụ
Hành hữu vi thường dứt	Hằng được chỗ thanh lương.

Bấy giờ chư Tỳ Kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

**BÌNH:** Đây là hình ảnh vô thường của ngũ ấm (hay ngũ uẩn) mà Phật diễn tả rất rõ ràng.

**TRƯỚC TIÊN Phật dạy chúng ta quán sắc ấm như hòn bọt.** Đã là bọt nước thì đâu có lâu bền. Bởi sắc ấm không thật có, do các duyên nhóm hợp tạm có (dụ như trong thân ta: phần cứng thuộc đất, phần lỏng thuộc nước, hơi thở thuộc gió, nhiệt độ thuộc lửa). Bởi do duyên hợp, nên đủ duyên tạm có,

thiếu duyên nó tan hoại. Vì vậy Phật dùng hòn bọt để thí dụ cho sắc ấm.

**THỨ HAI, quán thọ ấm không thật, như bong bóng nước.** Thọ đâu có thật, do sáu căn tiếp xúc sáu trần sanh cảm thọ, thọ vui, thọ khổ, thọ bình thường... Nhưng những cái thọ này đâu có lâu dài, chỉ thoáng qua rồi mất. Dụ như bong bóng nước, một phen động đến liền tan.

**THỨ BA là tưởng ấm không thật như sóng nắng giữa trưa trên mặt đường thẳng trắng nhựa, do ánh nắng phản chiếu, ta thấy sóng nắng chập chờn như ngựa chạy...** Sóng nắng do ánh nắng phản chiếu mà có chứ đâu phải thật. Tưởng ấm cũng vậy, do tâm duyên theo cảnh, dù cảnh đã qua, nhưng những bóng dáng tiền cảnh còn lưu lại trong tâm thức, mỗi khi nghĩ đến thì nó hiện ra. Cái bóng dáng làm sao cho là thật được.

**THỨ TƯ hành ấm không thật. Hành là sự sinh diệt của tâm thức.** Trong kinh Phật nói, mỗi sát na (khoảng chớp mắt) có 60 niệm sinh diệt. Nó như dòng thác chảy, thay đổi tiếp nối rất nhanh không đứng yên một chỗ, nhưng chúng ta chỉ thấy trên giả tướng của thức ấm rồi cho là thật có (thí dụ như cây chuối).

**THỨ NĂM, thức ấm không thật, như huyễn hóa. Ví như nhà ảo thuật kia hóa ra con cọp nhưng thật ra con cọp đâu có thực, chỉ do ảo thuật mà thôi.** Thức là cái phân biệt. Sự phân biệt này nó cũng không thật có, tùy chủng tử nghiệp tánh của các loài chúng sanh mà hiện ra khác nhau. Dụ như cái bàn viết này, với ta là cái bàn để viết, trái lại với con mọt là thức ăn của chúng... Vậy cái phân biệt nào là đúng. Vì thế Phật nói thức ấm không thật có.

**Tóm lại Phật nói thân ngũ ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) là vô thường để phá cái chấp mê lầm, chấp ngã ngàn đời của chúng sanh.** Khi thấy rõ nó là vô thường, là giả có, là tạm bợ thì lần lần chúng ta sẽ nhẹ tâm si mê chấp ngã (vì nó không thật mà chấp cái gì?) Si mê chấp ngã đã hết

thì các phiền não (tham sân si) cũng theo đó mà hết. Đến đây vòng luân hồi đã dứt, mọi khổ ách tiêu tan. **Điển hình cho pháp tu này là Đức Quán Thế Âm Bồ Tát khi dùng trí Bát Nhã quán sâu năm ấm đều không, liền được xa lìa khổ ách.**

## 18. Không yêu ai hơn tự ngã

Tâm ta đi cùng khắp	Tất cả mọi phương trời
Cũng không tìm thấy được	Ai thân hơn tự ngã
Tự ngã đối mọi người	Quá thân thiết như vậy
Vậy ai yêu tự ngã	Chớ hại tự ngã người.

Mạc Lợi phu nhân và Vua Ba Tư Nặc một hôm cùng luận đạo. Vua Ba Tư Nặc hỏi:

- Chẳng hay ái khanh thương ai nhất trên cõi đời này?

Phu nhân trả lời:

- Tiện thiếp yêu thương bộ hạ nhất.

Và phu nhân hỏi lại:

- Chẳng hay bộ hạ thương yêu ai nhất trên cõi đời này?

Nhà vua trả lời:

- Trẫm yêu thương ái khanh nhất chứ còn ai nữa.

Bà Mạc Lợi lại nói:

- Nếu bộ hạ cho phép, thần thiếp sẽ nói khác đi một chút.

- Được ái khanh cứ nói đi.

- Muôn tâu bộ hạ! Thực ra trên cõi đời này, thần thiếp chỉ có riêng yêu thương thần thiếp nhất mà thôi.

Vua nghe qua chùng khó hiểu:

- Vậy là sao? Ái khanh hãy nói rõ hơn.

- Muôn tâu bệ hạ! Chỉ vì thần thiếp thương mình, nên muốn được bệ hạ ban bố cho thân này được hạnh phúc. Muốn cho thân mình có được hạnh phúc, thần thiếp phải thương yêu bệ hạ, có thể bệ hạ mới thương yêu lại thần thiếp và ban bố cho tình thương, thần thiếp được hạnh phúc. Vì yêu thương mình mà thần thiếp yêu bệ hạ.

Nhà vua nghe qua sự thật của “YÊU THƯƠNG”, qua phu nhân sủng ái nhất của mình, nhà vua bàng hoàng. Một sự thật xem chừng quá trở trêu. Bà Mạc Lợi nói tiếp:

- Như bệ hạ, bệ hạ cũng yêu thương riêng có bệ hạ thôi. Để hiểu rõ việc này, như thần thiếp đây, nay lại đi yêu đương với một người khác thì bệ hạ nghĩ làm sao? Có phải bệ hạ sẽ chém đầu thần thiếp không?

Đến đây nhà vua mới hiểu rõ được nội vụ vấn đề, Ngài gật đầu:

- Phải chính thế, ái khanh nói rất đúng lý. Trẫm cũng chỉ yêu thương mình trẫm thôi. Ta chỉ có yêu thương tự ngã thôi.

Rồi sau đó Vua Ba Tư Nặc và Hoàng Hậu Mạc Lợi cùng nhau đến ra mắt Đức Phật. Nhà vua muốn cầu Phật xác minh điều Mạc Lợi phu nhân đã nói.

Qua sự trình bày của nhà vua, Đức Phật lắng nghe và đã gật đầu chấp nhận lời bà Mạc Lợi. Như đó Đức Phật đã nói lên lời pháp như vậy.

**BÌNH:** Thật là chí lý. Nếu thành thực nhìn lại tâm mình sẽ thấy tâm mình nó là như vậy. Cõi lòng thâm sâu, tiếng nói thâm trầm của con tim mình là như vậy. Tâm ta đã đi cùng khắp, tất cả mọi phương trời dạo qua mọi nơi, mọi cảnh, mọi người... nào tìm thấy được có ai là thân thiết hơn chính ta thân hơn tự ngã.

Trên đời này không gì thiết tha yêu thương bằng ái tình. Cái tình này nó còn có lúc lướt qua tình phụ mẫu. Trong ái tình, việc đầu áp tay gối giữa vợ chồng đậm đà như vậy, yêu thương

hạnh phúc như vậy, như vợ chồng bà Mạc Lợi, cặp tình nhân này thiên hạ mấy ai hơn? Thật là tâm đầu ý hợp đó. Việc yêu thương đủ cả hai mặt tinh thần và vật chất, xác thịt và tâm hồn, một cuộc tình thật trọn vẹn. Thế mà để lắng sâu hơn vào tiếng lòng, bà Mạc Lợi đã nghe ra tiếng nói trung thực của chính mình. Tiếng nói ấy đã núp sâu dưới bao nhiêu lời tình tự gói chần với nhà vua qua bao nhiêu năm dài chung sống. “Thần thiếp chỉ yêu thương mình thần thiếp thôi”. Ta chỉ yêu thương ta thôi. Một phát giác không kém phần phủ phàng! Sự thật nó là như vậy! Và đến lượt nhà vua cũng thế thôi. Nhà vua nghe được tiếng lòng mình. Từ tiếng lòng đó nó thôi thúc nhà vua sẽ tàn nhẫn hơn để chém đầu “ái khanh” mình, khi mà đương sự ngoại tình.

Đó là gì? - Cái “TỰ NGÃ” mình bị đụng chạm, bị mất mát, thiếu sự vuốt ve, thiếu sự thụ hưởng.

**Như vậy sự thật của cái gọi là “YÊU THƯƠNG” trên cõi đời này là gì? Bên dưới, bề trái của tình yêu nó là như vậy, thì hỏi tình yêu là gì? -Và mình có yêu được gì không? Và để nói lên một sự thật khá chua chát như vậy, có thể nói: “Tình yêu là một sự lợi dụng lẫn nhau qua thân xác và tâm hồn nhằm thỏa mãn tự ngã mà thôi!”.**

Không ai nhìn ra bộ mặt tình yêu. Không ai rờ đụng đến tình yêu. Vì sao? Vì nó không thực có mà nó chỉ là sự phóng hiện của tự ngã. Nói yêu người, tức yêu tự ngã -Yêu mình. Như vậy cái “TỰ NGÃ” là cái duy nhất để mình yêu thương. Nói yêu, nói thương, nói gì gì đó, tất cả đều là tiếng nói vì tự ngã. Nên tự ngã đã thân thiết hơn bất cứ cái gì trên thế gian này. Hãy suy nghĩ cùng cạn sẽ thấy cái tự ngã đã quá thân thiết với chính mình.

Mình đã yêu “TỰ NGÃ”, mình muốn giữ gìn “TỰ NGÃ” mình, thì cũng phải tôn trọng “TỰ NGÃ” người, vì người cũng yêu “TỰ NGÃ” của họ như mình. Vậy thì chớ có tàn hại tự ngã

người. Một người muốn có đời sống cao thượng thánh thiện phải sống như vậy.

Tôn trọng “TỰ NGÃ” tức tôn trọng sự tự do, sự bình đẳng. Đời sống mình, người có được tự do bình đẳng trong nền tảng như vậy thì cuộc sống đáng sống biết chừng nào. Hạnh phúc không cầu mà tự có. **Nếu không như vậy, hạnh phúc trên cõi đời này chỉ là một bóng hấp dẫn vậy thôi. Mọi người cùng đổ đi tìm nó, và rồi chỉ chuốc lấy sự nhọc nhằn, nỗi ê chề và niềm ngao ngán, bao nhiêu nỗi thống khổ vây quanh.**

**Đấy là một sự thật quá phủ phàng. Dù không đồng ý, chúng vẫn có mặt. Cuộc đời vì thế có ra lắm chuyện. Và rồi hỏi ai đã đem lại nỗi khổ cho cuộc đời này? Có ai đâu? Chỉ có “CÁI TA” (TỰ NGÃ LÀM KHỔ MÌNH THÔI).**

Để tạo đời sống tương đối khá dễ chịu cho nhau, thì hãy tập sống như lời khuyên này:

Vậy ai yêu tự ngã

Chớ hại tự ngã người.

## PHẦN HAI

# TRÍCH GIẢNG KINH PHÁP CÚ

---

### 1. Khen chê không thật

Xưa, vị lai và nay  
Đâu có sự kiện này  
Người hoàn toàn bị chê  
Người trọn vẹn được khen

- Người hoàn toàn bị chê xưa nay và mai sau chưa từng có. Người trọn vẹn được khen xưa nay và mai sau chưa từng có.

- Như kẻ uống rượu, được bạn rượu khen, kẻ cướp được đồng đảng khen. Những kẻ xấu xa như vậy, vẫn có người khen đầu hủn đã hoàn toàn bị chê.

- Rồi hiền như Phật, vẫn bị ngoại đạo chê. Như Chúa Jêsus rồi cũng bị đóng đinh trên thập tự giá.

Như vậy để thấy rằng việc khen chê ở giữa cuộc đời này không phải là chân lý. Người được khen nở lỗ mũi, người bị chê xụ mặt, là người ngu si, là kẻ khờ.

Chớ vì sự khen chê mà lấy đó làm cuộc sống, hãy sống hợp lẽ đạo mà xa lìa khen chê. **Người Phật tử hãy giữ vững lập trường mà đừng lâm lẩn giữa khen và chê. Đừng để cái khen và chê nó xoay ta, chủ động đời ta. Ai khen, ai chê cũng mặc, hể biết mình sống hợp đạo lý thì thôi.**

Mặc người chê, mặc người dèm  
Lấy lửa đốt trời thêm nhọc xác.  
(Chứng Đạo ca)

## 2. Si mê là gốc đau khổ

Đêm dài với người thức  
Đường dài với kẻ mệt  
Luân hồi dài, kẻ ngu  
Không hiểu chân diệu pháp.

Với người thức, không ngủ được, thấy đêm sao mà dài lê thê.

Với người đi mệt, thấy con đường nó sao mà dài xa xôi diệu vợi.

Với kẻ ngu thì thấy cuộc luân hồi dài đằng đằng không có ngày kết thúc. Bao nhiêu nỗi khổ đau đè nặng trên kiếp người. Ở trong cuộc luân hồi không tìm đâu được lối ra, và khổ thay đã là kẻ ngu thì có biết đâu là cuộc “LUÂN HỒI”, và có bao giờ nghĩ đến phải ra và tìm đường thoát ra. Nhưng thực trạng cái khổ đau, niềm tủi nhục cứ khấn chặt con người họ, và họ phải tự thấy cuộc đời, cái dòng đời này thật ê chề, thật ngao ngán. Sự thật đó chẳng khác nào kẻ thức khuya không ngủ trong đêm thấy đêm dài lê thê, kẻ lữ hành đang trên đường cảm thấy mình mệt mỏi và nhìn lại thấy đường hãy còn xa thẳm. Người mệt, thân như, tất cả việc trước mắt thấy ê chề ngao ngán. Người ngu ở giữa cuộc đời này là như vậy đó. **Tội nghiệp thay! Con người nào hay, ngoài nỗi cơ cực của kiếp người còn có đời sống siêu thoát, đời sống an lành. Đó là đời sống của người hiểu ngộ chân diệu pháp. Không hiểu “CHÂN DIỆU PHÁP” con người sẽ khổ đau mãi mãi trong kiếp luân hồi: Chân diệu pháp chính là Phật pháp.**

## 3. Biết được lỗi mình mới khó

Dễ thay thấy lỗi người	Lỗi mình biết mới khó
Lỗi người, ta phanh tìm	Như tìm thóc trong gạo
Còn lỗi mình che đậy	Như kẻ gian giấu bài.



Để thấy lỗi người, việc ấy không khó, chỉ cần nhìn sơ qua là mình thấy người đó có lỗi rồi. “Vạch lá tìm sâu”, “quét nhà ra rác”. Điều này quá rõ ràng. Thấy lỗi người không khó. Thấy lỗi mình mới thật là khó. Vì thông thường mình vốn thương mình, thì có bao giờ mình chịu cho mình là xấu (Có lỗi thì thành xấu) vậy nên có mấy người chịu trở lại tìm lỗi mình. Mặt mình dính lọ thì có khi nào mình thấy, nếu không có người chỉ, nếu không xem gương. Vậy đó mà với lỗi người thì ta phan tìm không bỏ sót. Người ta có giấu, mình cũng phải tìm bươi móc cho ra. Việc này giống như việc lượm thóc trong gạo, gặm đầu lượm tỉ mỉ từng hạt, lượm thật kỹ. Cái tánh tật này, gần như muốn đời ở một con người. Đó là gần như bản chất, một thứ bản chất xấu xa tồi bại. Nó phải được coi là rất trái đối với thánh đạo.

Ngược lại, với lỗi mình thì bưng bít, che đậy giống như người cờ gian bạc lận, giấu đi con bài của mình để phòng thủ thắng kẻ khác. Một sự giấu giếm thật khéo léo, thật tinh vi.

Cái tánh tật chúng sanh là như vậy, mấy ai dám gan dạ phơi bày lỗi mình. **Đức Phật đã nói như vậy là trước chỉ cho con người thấy rõ sự lầm lẫn của mình, thấy rõ ngõ ngách của tâm hồn mình. Thấy rồi để mà khéo chữa đi.** Là một Sa Môn, một người tu chớ có thấy lệch lạc như vậy, mà lúc nào người Sa Môn cũng phải biết rõ lỗi mình để phát lồ sám hối. Phát lồ tức phơi bày lỗi lầm, không giấu giếm mà đưa ra trình trước đại chúng, nhận khuyết, nhận lỗi cầu xin sám hối.

**Ngài Huệ Năng đã dạy: “Thường biết lỗi mình, chớ biết lỗi thế gian”.**

**Tu là cốt để biết rõ mình. Muốn biết rõ mình phải biết “lỗi mình”. Tu mà không biết lỗi mình thì không bao giờ tu tiến được.** Những lỗi hiện đời và lỗi từ vô thủy, biết bao lỗi thế mà không biết, thì sao gọi là tu? Tu là sửa, sửa là sửa lỗi; sửa lỗi thành không còn lỗi nữa thì gọi đó là tu. Không như vậy gọi tu là tu làm sao? Vậy chớ có biết lỗi người. Phải thường biết lỗi mình. Được vậy trong tương quan cuộc sống,

minh không bị thiên hạ ghét mình. Mình không nói lỗi người thì ai ghét mình. Và trong việc tu hành mình càng ngày càng được tiêu tội tiêu lỗi, nghiệp chướng vơi đi, tâm trí ngày càng sáng thêm; niềm an vui ngày càng rộng mở. Cuộc sống ngày được hạnh phúc, không cầu mà được.

#### 4. Thấp sáng trí tuệ

Như giữa đồng rác nhớp	Quảng bỏ ngoài đường lớn
Chỗ ấy hoa sen nở	Thơm sạch đẹp lòng người
Cũng vậy giữa quần sanh	Uế, nhiễm, mù phạm tục
Đệ tử bậc chánh giác	Sáng ngời với trí tuệ.

Trong chỗ nhơ nhớp mà sanh hoa sen, hoa nở thơm sạch đẹp lòng người. Ở trong các pháp thế gian: khổ, không, vô thường, vô ngã, bốn điều này người thế tục cho là thường, lạc, ngã, tịnh. Đó là bốn việc: vô thường không phải thường, vô ngã không phải ngã, khổ không phải lạc, nhớp không phải tịnh. Vậy mà họ thấy là thường, lạc, ngã, tịnh. Cái thấy như vậy là không đúng sự thật. Như bàn tay trắng, mà thấy là bàn tay đen. Thấy như vậy là không đúng sự thật, là cái thấy mù.

Với các pháp giữa này, người phạm tục đều thấy như vậy nên gọi là mù. Từ cái thấy mù như vậy, mà chấp lấy các thứ ố nhiễm của thế gian làm sự sống. Chính vì bằng cái thấy mù tối như vậy, nên các pháp ấy đã trở nên trói buộc, làm thống khổ cho người. Đã dính mắc vào nó mong gì thoát ra, càng giầy giụa nó càng khấn chặt, như những con rắn đã quấn vào mình, càng vùng vẫy thì nó càng xiết cứng và cắn rứt.

**Ngược lại với đệ tử bậc Chánh Giác, hàng Sa Môn, đối với các vật gọi là ố nhiễm: khổ, không, vô thường, vô ngã thì thấy rõ là: khổ, không, vô thường, vô ngã. Thấy đúng như thật.** Cái thấy ấy như đầu đen thấy là đen, bàn tay trắng thấy là trắng, thấy như vậy là cái thấy của con mắt sáng, thấy đúng như thật. **Cái thấy đó là trí tuệ.** Ở trên

tướng uế nhiễm mà thấy đúng như thật thì ngay đó tức đã được giác ngộ đúng đắn, tức được Chánh giác. Cái thấy đó là sáng ngời trí tuệ, đâu còn lầm lẫn nữa. Vì vậy mà giải thoát được ngay trên đó, giải thoát vươn lên tỏa rộng đời sống thanh tịnh ngay trên đó có khác gì hoa sen mọc lên nở đẹp giữa nơi nhơ nhớp.

Từ cái thấy này, nếu ở trong pháp Đại Thừa, tức thấy rõ “phiền não tức Bồ Đề”, ngay chúng sanh tức là Phật. **Ngay cảnh giới chúng sanh nhơ xấu, tức là cõi Phật thanh tịnh đủ bốn tánh: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Và để phân biệt bốn tánh: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của chúng sanh (Bốn cái thường không thật) gọi đây là Chơn thường, Chơn lạc, Chơn ngã, Chơn tịnh.**

## 5. Cội gốc luân hồi

Không có một pháp khác	Quần sanh bị bao phủ
Ngày đêm chạy luân chuyển	Như bao bọc bởi si
Và ai phá được si	Đâm thủng khối u ám
Chúng không lưu chuyển nữa	Trong chúng, nhân không còn.

**BÌNH:** Tất cả chúng sanh sở dĩ bị luân chuyển trong sáu đường không có ngày ra, cũng đều bởi không thấy được lẽ thật mà khởi tâm điên đảo chớ không có gì khác. Không thấy được lẽ thật tức gọi là si vậy. **Cho nên đầu tiên Phật dạy hàng Tỳ Kheo phải thấy rõ Tứ Đế như thật, tiến lên dùng trí Bát Nhã soi thấu năm uẩn đều không.** Cả hai đều khởi đầu bằng trí tuệ, nghĩa là thấy mình đúng như thật, thấy sự vật đúng như thật tức phá được si, dứt nhân luân hồi.

## PHẦN BA

# DIỄN GIẢNG

-----

### 1. Đặt lại vấn đề tu cho hàng Phật tử tại gia

Tu là gì? Là sửa.

Vậy Phật tử có tu chăng?

Phật tử đi chùa cúng Phật để làm gì? Việc ấy có gọi là tu không?

Cúng Phật để xin cầu an hay cầu siêu? Đó là việc của Phật tử. Từ việc này hỏi lại Phật tử. Thí dụ Phật tử có con cái nó về thăm mình, cho tiền cho quà rồi nó đòi hỏi mình phải đáp ứng lại cho nó việc này việc nọ... thì hỏi mình có vui mà nhận quà của chúng không? Chúng là con cái mình mà đặt điều kiện với mình, buộc mình phải thỏa mãn cho chúng khi mình nhận tiền của, lễ vật của chúng? Con cái như vậy có tốt với cha mẹ không? Phải là con hiền con thảo không? Một bậc cha mẹ nghiêm chỉnh, đứng đắn có chấp nhận yêu sách vô lối như vậy của con cái không?

Ở đây việc cúng kiến của Phật tử cũng vậy. Cúng Phật một số lễ vật, tiền của nào đó rồi mong cầu Phật phải độ cho mình điều này việc nọ. Phật phải giúp cho thân nhân mình siêu, giúp cho mình an, thỏa được những việc muốn của mình trong cuộc sống: mua may bán đất, tai qua nạn khỏi, gia đạo lành yên, con cái nên danh nên phận... biết bao nhiêu việc mình đòi hỏi ở Đức Phật với một mớ lễ vật như vậy.

Như vậy đó là mình đã tu chưa? Tu là sửa, ở đây mình có sửa gì không? Mình chỉ có tham thôi, không có sửa gì cả, phải

vậy không? Mà tham tức đã trái với sự tu rồi. Tu là sửa, sửa là sửa tham sân si để lần hồi tham sân si không còn nữa, như vậy mới gọi rằng tu. Chứ tu gì mà mỗi ngày lòng tham thêm nhiều. Dem nải chuối, ộp nhang cúng Phật cầu được việc, mừng quá sau đem thêm hai nải, hai ộp nhang cầu thêm nữa... như vậy đó là mỗi ngày lòng tham thêm lớn. Và lúc nào việc cầu không còn linh nữa thì sanh ra chán, thôi kiếm chỗ khác, chùa này không linh, Phật này không linh, kiếm chùa khác, Phật khác linh hơn.

Việc cúng kiến đi chùa như vậy ở Phật tử đó là cái duyên để bước vào tà đạo, bước vào mê tín dị đoan. Nghe ở đâu có gì linh thiêng, hiển thích, có cái gì lạ một chút là rủ nhau kéo đến cúng lễ, xin xỏ nợ kia... gặp tà ma dẫn dụ là đi vào tà đạo mất nhân chánh giáo.

Đó là chỗ đáng tiếc cho quý Phật tử, đã có tâm tốt mà gieo nhân không chính xác, không cần hiểu Phật pháp là sao. Thành ra cũng đồng làm một việc mà người hiểu biết thì có kết quả tốt, còn người không hiểu biết thì kết quả chẳng ra gì.

Cúng chỉ một ộp nhang, nải chuối mà người hiểu Phật pháp thì gạt được pháp lành an vui, còn người không hiểu thì chỉ có thêm sự rối rắm đau buồn, nếu không nói là hoài công vô ích. Nói như vậy để Phật tử thấy rõ chỗ tu, chứ không phải nhằm trách cứ gì Phật tử. Thiệt ra cái lỗi không phải ở Phật tử, mà nếu có nói thì đó là lỗi của những Tăng Ni nào đó, các vị ấy đã vô tình hay cố ý đưa các Phật tử vào chỗ nhận thức lệch lạc. Người Phật tử đến chùa xin cúng 100 đồng, vị trụ trì hay người có trách nhiệm thu tiền hỏi:

-Phật tử muốn cầu gì? Hỏi và hướng dẫn: Cầu an hay cầu siêu?

Và lắm lúc có vị còn tâm lý hơn, tìm hiểu về gia đình của Phật tử, biết có chuyện gì đó không ổn thì gợi ý cầu nguyện cho. Phật tử thiếu hiểu Phật pháp liền đó nghe mình được người Thầy chăm sóc cẩn thận bèn thích ý. Và cứ vậy nhờ Thầy giúp cho việc này, việc nợ qua cúng kiến kỳ an, kỳ siêu...

Tại sao khi Phật tử cầm tiền, dâng lễ vật cúng kiến, khi người Thầy có hỏi cầu gì? Phật tử không trả lời rằng: Con không cầu gì khác, chỉ cầu cho Tam Bảo trường tồn để độ thoát chúng sanh trầm溺. Vì vậy việc Phật tử đi chùa, cúng Phật, lễ Phật phải được đặt lại. Việc tu ở Phật tử phải được đặt lại. Trước hết, Phật tử đến chùa để cúng dường Tam Bảo. Việc cúng dường này có nghĩa góp một phần tài lực để duy trì ngôi Tam Bảo cho còn mãi ở đời. Mà đại diện ngôi Tam Bảo là Tăng Bảo. Như vậy cúng dường Tam Bảo có nghĩa là cúng dường cho Tăng Bảo. Khi cúng lòng những mong sao cho ngôi Tăng Bảo có được nguồn sống mà duy trì Phật Bảo, Pháp Bảo. Chư Tăng có sống còn thì Tam Bảo mới thường trụ ở thế gian, và làm ngọn đèn sáng cho chúng sanh hướng tới, để tiêu trừ bao nỗi vô minh hắc ám.

Phải biết việc khai mở đạo mầu mới là quý báu vô lượng, vì việc ấy mà cúng dường nên phước đức theo đó cũng vô lượng. Cúng dường như vậy là không vì việc riêng mà chung cho cả Tam Bảo, cho cả chúng sanh, nên dù không cầu gì khác mà phước đức vẫn to tát. **Việc cúng dường này không phải nhằm chuyển đổi lòng tham, không phải chuyển từ cái tham lệch lạc thành cái tham chính đáng. Đã tham thì không cái nào chính đáng.** Ở đây nói là nhằm hướng dẫn để xác định về sự nhận định chính đáng trong việc làm, nhằm xây dựng cho Phật tử có được cái chánh kiến, có được cái nhìn đúng đắn khi đi vào ngôi nhà Phật pháp.

Như đã nói: trước là vì giữ vững ngôi Tam Bảo, giúp Tăng Bảo được sống còn để tiếp nối ngọn đèn chánh pháp của Phật. Kế đó Phật tử phải chịu khó học hỏi nghe pháp. **Đến chùa, nếu chỉ một bề lo cúng dường cơm áo (tứ sự) không, chưa đủ. Người Phật tử phải trau dồi thêm Phật pháp với chư Tăng Ni nữa.** Có vậy, việc Phật pháp mới sáng ra và việc tu theo đó mới có lối vào, khi hành động không sai lạc. Đó là việc chính yếu Phật tử phải chú ý. Tu mà không học là tu mù. Và lại đó cũng là trợ duyên cho Tăng Ni tự trau dồi để đáp ứng lại chỗ cầu học của Phật tử.

Chứ không ai hỏi gì hết, khiến Tăng Ni có người cũng lơ là sự tu học kinh điển. Để rồi qua ngày đoạn tháng, chỉ làm một việc cúng kiến lặt vặt có chừng. Như vậy uổng phí cho cả đời xuất gia học đạo. **Phật tử đến chùa phải cầu học Phật pháp, và chỉ nên nói về những vấn đề Phật pháp, chớ nên đem việc thế sự lặt vặt chỉ mất thì giờ vô ích và làm rối tâm người tu.**

### PHẬT TỬ HỌC TU LÀ TU NHƯ THẾ NÀO?

Có ai hỏi: Là Phật tử, sau khi chết đi về đâu? Phật tử sẽ trả lời làm sao? Nếu mình tu cầu về cõi Phật, mà đạo nghiệp mình chưa tròn thì Phật và Thánh chúng không rước rồi mình về đâu? Mình sẽ ú ớ điều này. Nếu vậy Phật tử chưa nắm vững đường lối tu.

Phải biết trong Phật giáo có chia làm ngũ thừa là năm thừa, năm từng bậc để người tu hướng đến. Năm thừa là: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Với nghiệp nhân cho các thừa cũng phải biết qua. Thí dụ ở Nhơn thừa, tu nhân gì sẽ được sanh về cõi người? Muốn sanh về cõi người phải giữ năm giới làm căn bản. Ở Thiên thừa, muốn được sanh về cõi Trời phải tu nhân Thập Thiện... Người Phật tử phải biết qua những điều như vậy để xác định hướng đi của mình, để biết rồi mình sẽ đi về đâu.

Như bây giờ mình không đủ điều kiện sanh về cõi Phật, mà bình sanh mình khéo giữ được năm giới thì biết chắc là sau khi chết, mình sẽ sanh lại làm người. Và do tu pháp lành nên thành người có đức hạnh, được vào hàng tôn quý, giàu có, sang trọng... Biết được như vậy, không sanh tâm nghi ngờ mà an tâm tu tập pháp lành. Phật tử tu pháp lành của phần mình là tu làm sao? Đây là việc tu của người Phật tử tại gia. Phật tử đã thọ Tam quy y ngũ giới rồi.

**\* Giới thứ nhất: không giết hại.** Phật tử vâng giữ không nên giết người, không nên giết các loài sinh vật bữa bái. Phải giới hạn tối đa trong hoàn cảnh, điều kiện của mình. Cố tránh nợ sanh mạng càng nhiều càng tốt.

**\* Giới thứ hai: không trộm cắp.** Phật tử đã vâng giữ rồi phải không nên tái phạm. Không được trộm cắp của người bằng bất cứ hình thức nào hoặc gián tiếp, hoặc trực tiếp cũng đều không nên.

**\* Giới thứ ba: không tà dâm.** Phật tử phải thể hiện đời sống hạnh phúc lứa đôi một cách chân chánh, tránh các trường hợp lang chạ ngoại tình.

**\* Giới thứ tư: không nói dối.** Phật tử phải thành thật dù trong công việc mua bán đổi chác, không nên lừa lặn người. Buôn bán làm ăn thì phải có lời có thanh. Nhưng đồng thời phải nhấm trên công sức, trên mồ hôi trí tuệ mình. Tránh mọi trường hợp nhằm bóc lột tài lực, nhân lực người. Cao giá ăn tiền, tráo trở mặt hàng, lật lọng giao kèo hợp đồng, bội tín trong công việc làm ăn... Về mặt này Phật tử phải khá dè dặt. Uy tín người Phật tử được xác định phần lớn trên việc này.

**\* Giới thứ năm: không uống rượu.** Điều này quan trọng đối với người nam. Người Phật tử nam phải khéo chinh phục mình trong việc này. Trong cuộc sống không tránh khỏi giao tế, nhưng đối với việc rượu chè phải khéo linh động làm sao không phải vướng vào. Hay ít ra có vào cũng phải biết đường ra. Uy tín con người nằm trên chỗ tỉnh và say. Phật tử phải khéo chế ngự mình. Đã thấy rõ tác hại của rượu trên mọi mặt, nên tránh xa càng tốt. Phật tử lúc nào cũng phải tỉnh sáng. Có tỉnh sáng mới thấy rõ được vấn đề phức tạp khác đang bao quanh cuộc sống của mình. Nhất là màn tối vô minh hãy còn dày đặc, Phật tử hãy thoát ra khỏi mọi sự nghiện ngập.

Là Phật tử, còn tại gia cư sĩ không phải tu gì nhiều hơn, nếu có duyên tiến xa hơn càng tốt. Nếu không chỉ giữ chừng ấy việc là đã quý lắm rồi.

Phật tử ngoài chiều tu tiêu cực (chỉ lo cho mình đừng phạm năm giới) còn phải phát huy trên chiều tích cực, tức nhằm giúp người, tạo duyên cho người cũng được như mình. Việc này phải khéo, phải hoàn toàn trong tinh thần cởi mở, chân thành vì người, không một ý đồ vụ lợi riêng tư nào. Làm thế nào nơi nào



có bóng dáng Phật tử là nơi đó có cuộc sống tươi mát, có sự sống ấm êm hạnh phúc.

Gia đình có Phật tử thì gia đình hạnh phúc. Láng giềng có Phật tử thì láng giềng thêm vui. Người đời có Phật tử thì có sự ấm áp, có được yên lành. Người Phật tử phải là hiện thân Phật pháp, sống đi vào cuộc đời. Chớ nhìn Phật pháp trên hình tượng Phật, hãy nhìn Phật pháp ở nơi mình, và ở ngay trong lòng cuộc sống. Phật pháp phải là pháp sống, không thể là pháp chết được.

Phật tử muốn tuyên dương Phật pháp hãy tự mình sống đúng như Phật pháp. Đó là sự cúng dường cao tột nhất. Chư Phật sẽ nhất tâm tùy hỷ người có trình độ sống như vậy. Và từ đó mọi rối rắm của cuộc sống sẽ lần hồi được giải quyết ổn thỏa. Đó là đã được pháp lực gia hộ. Một sự gia bị bất khả tư nghị, ấy cũng từ nơi mình nỗ lực quyết sống vì Phật pháp mà thôi, không có gì huyền hoặc thần bí.

Phật tử đã có gan sống như Phật pháp thì không cầu an mà được an, vì đã là người Phật tử chân chính thì thấy nguy nào khác là an. Nguy cũng là tướng, an cũng là tướng. Mà đã là “TUỔNG” tức là “HỦ VỌNG” thì an hay nguy thấy đều hư vọng. Thế nên Phật tử ngay đó mà bình an. Một sự bình an như vậy mới thật là bình an lớn, và từ nơi niềm bình an ấy, Phật tử có đủ tỉnh táo sáng suốt chuyển được nguy thành an theo cái nhìn của cuộc đời, chuyển được hoàn cảnh xấu thành tốt.

Vô lý, tu hành là để chỉ có “cầu an”. Tu là đối kháng lại ma quân thì làm sao an được? Mà hễ không an thì thôi lui, đó có phải là người tu chưa? Lui thì ai tiêu trừ ma quân? Ma quân mà còn thì làm sao an? Dù muốn an có được không? Vậy nên người tu không thể chấp nhận được sự “CẦU AN” như vậy. Không thể cầu an bằng cách thôi, không chiến đấu với ma quân, bằng cách làm nô lệ ma quân hay bằng cách bám theo chân Đức Phật, núp trong hào quang ẩn quanh cội Bồ Đề... Không, người đã nghĩ đến chuyện tu không thể như vậy được.

Phải biết Đức Phật cũng là người từng chiến đấu với ma quân, nay Ngài đầu chấp nhận được lũ “HẬU DUỆ” chỉ biết núp trốn, quanh vây bên Ngài. Không được, dầu muốn dầu không cũng phải chiến đấu, đã chấp nhận chiến đấu quyết một mất một còn thì làm sao mà an được. Thế nên, dù có cầu an cũng là điều vô ích. Ma quân có chịu cho ta cầu an không? Có thể nó chỉ chịu khi nào nó cảm thấy bị núng thế trước ta, tức nghĩa là ta phải trên đà thắng, chúng mới chịu để ta an, mới chấp nhận sự cầu an.

Hãy chiến đấu. Là đệ tử của Đức Điều Ngự thì không có quyền chùn bước. Nguyên đời đời không chịu khiếm nhược để cầu an. Chỉ cầu an khi nào ma quân trở thành nô lệ dưới tay kiếm này. Là Phật tử, tức dòng giống của trí tuệ, là dòng kiếm Bát Nhã muôn đời. Người Phật tử hãy đón nhận lưỡi kiếm màu, cầm vững trong tay linh hoạt đón tiếp lũ ma quân. Sự cầu an trên ánh kiếm lướt qua đầu vạn lũ ma quân.

Đó là sự cầu an đích thực nhất. Việc tu hành như vậy ở một Phật tử thuần thành, biết tin tưởng Phật pháp đúng lẽ thật sẽ thấy rõ điều ấy không phải một sớm một chiều mà được. Việc tu như vậy phải trải qua nhiều đời nhiều kiếp, cả ba đại a tăng kỳ kiếp.

Nói như vậy không phải nhằm gây chán nản một công trình có vẻ dài lâu, mà ta thấy rõ một sự thật không phải đơn giản, không phải là chuyện dễ đúng gì. Một cái nghề nghiệp thông thường ở thế gian thôi, mà muốn đạt trình độ tinh xảo cũng phải đến cả đời người, huống chi đây là một việc mờ mờ ảo ảo, khó nghe, khó thấy, khó thực hiện thì thử hỏi với số thời gian phù du của ba vạn lẻ ngàn ngày là mấy? Sẽ dùng vào đâu được? Thật chẳng có vào đâu, chỉ trong một đời người. Việc tu hành đem ba vạn sáu ngàn ngày để ấn định thì thiệt chẳng đáng gì. Ở trong nhà Thiền nói: Phải gắng đời này cho xong. Đây là lời nêu cao ý chí, khích lệ kẻ trượng phu. Kỳ thực, làm sao xong được chỉ trong một đời người. Có được chẳng là các bậc đã tu qua nhiều đời, đến đời này một nghe ngàn ngộ, thì gọi là xong. Xong là căn cứ đời này mà nói, hay xong là quyết trong đời này

không còn lầm lẫn nữa, đối chân lý đã sáng tỏ rõ ràng, chứ còn công hạnh làm sao mà tròn được. Và nếu có được thì chỉ là xong phần nhân, thành Phật nhân. Đó là trường hợp của Long Nữ trong kinh Pháp Hoa. Nàng vừa được Ngài Văn Thù điểm hóa thoát liền thành Phật. Phật ấy mới là Phật nhân thôi. Tuy là như quả dây mang tính đồng thời. Đồng thời là cùng lúc lớn đồng lớn cả nhân và quả, chứ không phải liền đó nảy nở đúng mức. Cũng như hạt sen và gương sen đồng có một lượt, cùng nảy nở để rồi mới lớn lên, chứ không có nghĩa ngay khi có hạt (như) gương (quả) là liền thành quả lớn trọn vẹn đúng mức.

Vậy phải hiểu điều ấy mà chớ lầm lẫn, không vì lâu xa mà nản, không vì mau chóng mà hấp tấp xem thường. Dù thời gian lâu hay mau, cũng không nên xem thường hay nản chí, mà phải biết đây là một việc đòi hỏi một ý chí phi thường, một sự kiên tâm không bờ mé. Tuy vậy, đối với người khéo tu thì luôn luôn giữ được sự thanh thoi trong lúc sử dụng công phu. Cho nên dù chưa đạt được quả vị cuối cùng, cũng vẫn giữ được tính chất giải thoát an nhàn.

Phật tử khéo tu cũng vậy, dù chưa tới đâu nhưng khi nhận ra đúng pháp, tu đúng đường lối thì việc tu cũng được nhẹ nhàng thơi thới. Như nếu thật là ăn cơm, thì vừa ăn là vừa no, vừa khoan khoái. Cứ vậy mà ăn, càng ăn càng no càng khoan khoái.

Nếu khác vậy thì phải soát lại, xem coi đường lối mình có đúng như pháp không? Pháp Phật là pháp giải thoát thì từ đầu đến cuối cũng phải mang tính giải thoát mới được.

Có những Phật tử khi tu không được hướng dẫn đúng pháp, khiến ra công trở nên tri trệ và có nhiều điều đáng tiếc cho cá nhân và người xung quanh. Thay vì tu để có được sự an vui giải thoát thì lại sanh gắt gỏng vô lý, tạo nhiều nỗi bất an cho mình và cho người, gây xáo trộn cuộc sống vô lối, tạo nhiều ràng buộc, những dính mắc không đâu. Vậy nên Phật tử phải hiểu rằng tu theo Phật pháp là nhằm tạo cho đời sống giữa mình và người đồng được an vui. Hay ít ra chính mình phải được an vui đúng như pháp.

Vô lý khi chưa biết đi chùa thì gia đình êm ấm, đến chừng biết đi chùa rồi thì vì sự đi chùa mà khiến cho gia đình mất hạnh phúc. Đó là một sai lầm lớn ở một Phật tử. Làm thế nào khi chưa biết đi chùa thì gia đình lục đục, rối loạn, đến khi biết đi chùa thì gia đình trở nên êm ấm, hạnh phúc. Như vậy mới là một Phật tử tốt.

Người Phật tử như vậy là người khéo học đạo, biết vận dụng đời sống đạo vào đời sống thế tục.

Để tóm kết, người Phật tử tại gia cư sĩ phải nhận định rõ ràng về những việc của mình khi đến trong Phật pháp.

**1. Cần nhận định đúng đắn về việc cúng dường.**

**2. Phải xây dựng nhân tu theo nhân quả (Quả: vô tham. Nhân: phải lìa tham).**

**3. Tu không phải là một ngày, một buổi.**

**4. Tu không phải để cầu an. Tu là chiến đấu với ma quân.**

**5. Tu là phải thành thoi.**

## **2. Then chốt luân hồi và giải thoát**

**Mục đích của người tu hành là ra khỏi vòng luân hồi sanh tử, được giác ngộ và giải thoát.** Người tu thì nhiều mà người giải thoát thì không được bao nhiêu. Vì sao? Vì pháp của Phật không đúng chăng? Vì chướng ngại quá cao chăng? **KHÔNG.** Pháp của Phật là chân lý muôn đời, còn chướng ngại thì không cao không nặng, chỉ vì người tu hành không thực hành đúng lời Phật dạy, hoặc không biết rõ then chốt của luân hồi và giải thoát để nắm giữ và hạ thủ công phu.

Phật dạy chúng sanh: Chúng sanh luân hồi trong ba cõi sáu đường là do vô minh tác động, gây nghiệp hoặc rồi chịu quả báo. Muốn cho người tu hành hiểu rõ sự việc từ đầu đến cuối, Phật dạy lý 12 nhân duyên: Vô minh duyên hành, hành duyên

thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt... sanh diệt thì lão tử diệt.

**Như vậy muốn hết luân hồi sanh tử thì phải diệt vô minh. Chúng ta hãy tìm hiểu vô minh là gì?** \*Theo kinh A Hàm thì nếu không biết Tứ Đế như thật là vô minh. \*Theo Kinh Viên Giác nếu còn thấy thân ngũ uẩn và lục trần có thật là vô minh. \*Theo Tổ Hoàng Bá, nếu đem hạt bụi chia ra 100 phần, nếu thấy 99 phần là giả, chỉ còn thấy một phần nhỏ nhất là có thật thì vẫn còn vô minh.

**Làm sao diệt được vô minh?** Rất khó, vì nó thuộc về nhân quá khứ làm sao diệt được? Như vậy chúng ta không thể chặt đứt vòng luân hồi ở chỗ vô minh được mà phải tìm chỗ khác. Hành, thức, danh sắc, lục nhập cũng không thể được, vì làm sao diệt được hành là nghiệp quá khứ. Thức, danh sắc, lục nhập là bộ phận của thân thể con người, chẳng lẽ mang ra hủy hoại? Xúc thọ là những cảm giác ảnh hưởng tới chúng ta cũng không tu được. **Chỉ có “Ái” là cái bộ phận, cái khoen mềm yếu nhất trong cái vòng gồm 12 khoen của sự luân hồi, chính nơi đây người tu hành nhằm vào để chặt. Ái là thương yêu. Vì thương yêu nên muốn nắm giữ (thủ), nắm giữ cho ta (ngã), vật đó của ta (ngã sở). Diệt ái tức là phá trừ chấp ngã và ngã sở vậy.**

Người đời được khen thì vui, đó là thọ lạc. Bị mất thì buồn, đó là thọ khổ. Nếu có tiếng nói không khen không chê thì mình không vui, không buồn, đó là vô ký. Đó là nói về tiếng. Nếu nói về sắc thì cũng vậy. Đẹp thì thích, xấu thì chán ghét. Người tu phải làm sao không còn cái tâm ưa thích, chán ghét, giận dữ, nghĩa là giữ tâm an tịnh chứ không phải gỗ đá.

Có ái là thương yêu, thích thú, là có lòng tham (THỌ LẠC). Nếu điều gì có lòng ghét là khởi lòng sân (THỌ KHỔ). Làm sao đừng tham, đừng sân. Ái tương ứng với tham, trái lại ghét tương

ứng với sân. Còn vô minh chính là tương ứng với si. Tham, sân, si là gốc của tam độc.

Si, thủ phạm gây ra tội lỗi là tên khác của vô minh. Vì si mê lầm lạc mà chúng ta không phân biệt được điều hay lẽ dở. Không biết đâu là thật, đâu là giả, đường thẳng không đi lại đâm quàng vào bụi rậm. Phải diệt si thì tham, sân sẽ hết. Nếu không tìm ra si để diệt thì không bao giờ diệt được tham sân.

Như đã nói ở trên, người đời được khen thì vui thích, bị chê mắng thì chán ghét. Vậy nếu không thấy ghét thì làm sao mà dứt được? Đó là then chốt của sự tu hành. Đừng thấy khen chê là thật thì sẽ dứt được vô minh. Các Tổ dạy phải “QUÁN THỌ THỊ KHỔ”, thọ lạc cũng không thích, thọ khổ cũng không giận, thọ không lạc không khổ cũng không ưa. Phải bình đẳng đối với tam thọ mới được.

Những cái gì lãnh thọ, nhận chịu đều là khổ. Những cảnh khổ đau, những lời chê bai, những vị cay đắng ở đời là khổ đã đành, nhưng còn cảnh sung sướng, những lời khen ngợi, những vị ngon ngọt thì có phải là khổ không? Theo giáo lý nhà Phật thì vui, buồn, khen, chê, ngọt, đắng.. đều là khổ, là giả, là vô thường. Muốn giải thoát, người tu hành phải giữ tâm bình thản, không còn thương ghét, như người gổ ngắm chim hoa, được vậy thì ở đâu cũng tu được, chẳng cần phải lên núi, vào cốc nhập thất làm chi. Nhưng phải biết việc đó thật là khó.

Theo Kinh A Hàm thì tiếng khen là vô thường, hoại diệt, vậy là khổ, tiếng chê cũng là vô thường hoại diệt cũng là khổ. Biết là khổ thì đại gì sinh lòng yêu ghét. Nếu không sinh lòng yêu ghét là đã diệt được tham và sân rồi. Chúng ta bị khổ vì chấp tiếng khen cho là thật có, chấp lời chê cho là thật có, chấp hình ảnh đẹp cho là thật có rồi yêu thích, chấp hình ảnh xấu cho là thật có rồi sinh lòng chán ghét. Nếu biết tất cả là vô thường, là khổ thì đừng ghét, đừng yêu. Tham, sân hết thì si cũng không còn; biết là vô thường thì không ham, vậy dứt được ái. Dứt ái là phá được vòng luân hồi, được giải thoát.

**Bây giờ chúng ta thử căn cứ vào Kinh Bát Nhã xem sao? Quý vị tụng bất cứ Kinh gì cũng kết thúc bằng Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã là trí tuệ. Phương pháp tu nào cũng phải nhờ Bát Nhã. Người nào có trí tuệ sáng suốt thì phá trừ được vô minh. Ví như thấp đèn sáng lên thì bóng tối tự tiêu tan. **Bát Nhã chủ trương ngũ uẩn giai không, biết tất cả là không thì thoát tất cả mọi khổ ách. Mọi vật đều tự thể là không, do nhân duyên hòa hợp mà thành, đó chỉ là huyền có, là giả hợp. Nếu biết tất cả là giả thì còn tham đắm, say mê, thương ghét, giận hờn làm gì? Tất cả đã là không thì không có người, không có ta, không có vô minh, tội chướng mà cũng không có nghiệp quả khổ đau. Nhưng tâm trạng này chỉ đến với những người đã chứng đến pháp “NHẤT THIẾT KHÔNG”. Trí người đó đã sáng, tâm người đó đã bình, chứ còn chúng sinh thì vẫn thấy có luân hồi, có giải thoát, có sinh tử, có Niết Bàn, có tội, có báo, có nhân, có quả.****

Người có trí tuệ thì hiểu tiếng khen lời chê, sắc đẹp, dáng xấu, miệng ngọt, vị cay... đều là nhân duyên hợp lại mà thành, là huyền hóa, là giả thì không còn ưa ghét. Nhờ vậy mà dứt được ái, hết tham và sân. **Giác ngộ thân, tâm, cảnh là giả, dùng trí tuệ chiếu soi tất cả thì mới là giải thoát, dứt được vô minh, trừ được si.**

Chúng ta sống ở đời quen coi ta, người và cảnh đều là thật. Nay nhờ trí tuệ Bát Nhã chiếu soi, chúng ta hiểu tất cả là giả có, in tuồng là có mà thôi. Ngay trong lúc thấy có, phải biết nó là không, tất cả các pháp tự tánh là không, đương thể tức không. Cái bàn trước mắt đây bây giờ thấy có nhưng nó hoại lần lần, rồi sẽ biến dịch thành không. Chỗ này rất dễ hiểu: trước có, sau không, theo luật vô thường. Đó là theo Kinh A Hàm. Nhưng nói theo Kinh Bát Nhã thì cái bàn tự tánh là không, do nhân duyên hòa hợp, đương thể là không. Cái bàn còn y nguyên chưa hoại mà đã biết nó là không, đó mới thật là chân không. Mà cũng chính cái không này lại phát sinh ra cái có, đó là “**SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ SẮC**”.

Đừng thấy tất cả là giả, là không rồi chẳng chịu làm gì, ngồi im một chỗ, hoặc lên núi lên non ẩn mình. Thật ra, thấy ngũ uẩn giai không là đã tỉnh giác, nhưng chỉ giác được một chút rồi lại mê. Phải làm sao cái giác thật lâu, mãi mãi tự giác rồi còn giác tha. Các bậc Bồ Tát sau khi chứng được chữ không đều phát lòng đại bi, lăn vào trong đời ác ô trược để cứu chúng sinh. Đứng về thể tánh thì không chấp nhận một pháp nào, nhưng đứng về thực hành thì không bỏ một việc thiện nào mà không làm. Chúng ta đã học hiểu rồi phải thực hành, tự thấp ngọn đuốc lên mà đi. Ngọn đuốc tâm ta sáng thì được giác ngộ và giải thoát.

**Tóm lại then chốt của luân hồi và giải thoát theo kinh A Hàm thì phải hiểu rõ Tứ Đế như thật, mọi vật là vô thường là hoại diệt, vậy là không. Còn theo Kinh Bát Nhã thì phải phát huy trí tuệ, phải giác ngộ biết vạn vật do nhân duyên hòa hợp, nguyên thể là không. Việc tu hành không có gì lạ, điểm trọng yếu làm sao có trí tuệ sáng suốt để được giác ngộ, mà hề được giác ngộ là được giải thoát.**



## PHẦN BỐN

# VẤN ĐÁP

-----

### 1. Vọng không thật có

**“Biết vọng không thật liền hết vọng”**

Kinh Kim Cang Phật dạy: Tam tâm bất khả đắc (quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc). Ba thời tìm tâm không thể được. Sơ Tổ dạy Ngài Huệ Khả: “Đem tâm ra đây ta an cho”. Huệ Khả tìm tâm không được, liền đó Tổ nói: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi đó”.

Mỗi lời dạy của Phật Tổ tuy khác nhau, nhưng đều có ý bảo là “VỌNG TÂM” không thật có. Nếu hành giả khi tu thiền khởi tu “BIẾT VỌNG KHÔNG THẬT” tức liền hết vọng. Vọng tưởng do bóng dáng của sáu trần, ngoài sáu trần tức tâm (vọng) không thật có.

**Gốc mê lầm bởi nhận lầm vọng tưởng cho là tâm mình mà thôi.**

### 2. Nghiệp nào nặng?

Người hỏi:

-Nghiệp thân và nghiệp ý, nghiệp nào nặng hơn?

-Nếu căn cứ nghiệp hơn thì ý nặng, căn cứ nghiệp quả thì thân nặng. Bởi ý là động cơ phát nhân tạo nghiệp. Tuy nhiên nếu có ý nghĩ mà thân chưa hành động, chưa thành tội.

-Nếu nói ý nghiệp nặng, khi ý nghĩ chưa khởi hành động đâu thể thành tội. Thành tội khi nào phải có hành động của thân?

-Căn cứ giới Tỳ Kheo (giới tướng) khi nào có hành động mới thành tội. Nếu căn cứ giới Bồ Tát, ý vừa nghĩ ác đã thành tội.

### 3. Tâm bình thường

-Thế nào là “BÌNH THƯỜNG TÂM THỊ ĐẠO”?

“BÌNH THƯỜNG TÂM” nghĩa là không thấy phải, thấy quấy, thấy thật, thấy giả, thấy đây kia, phạm, thánh... Tóm lại, không thấy hai thì tâm an nhiên lặng lẽ. Thấy như vậy tức có cái thấy bình thường. Cái thấy bình thường như vậy ấy là “ĐẠO”. Khi có cái thấy như vậy, không phải dụng tâm tìm cầu. **Muốn được tâm này chỉ đừng khởi vọng vì vọng là gốc của luân hồi trong ba cõi. Không khởi vọng tức diệt gốc luân hồi.**

### 4. Duy tâm và duy thức

Tam giới duy tâm. Vạn pháp duy thức. Tâm lành hiện cảnh giới lành. Ví như khi ta cho người vui, người đối xử với ta tốt...

Vạn pháp duy thức: Các pháp giữa này có ra đều do thức phân biệt.

Ngài Động Sơn hỏi Ngài Ma Cốc:

-Gió khắp mười phương, khi không gió tại sao không thấy?

Ngài Ma Cốc cầm quạt quạt:

-Gió khắp giáp nhưng phải tùy duyên, có duyên gió mới hiện.

Có phân biệt mới thành pháp.

## 5. Chăn trâu

Ngồi tu thế nào?

-Có để tâm không chẳng?

-Chăn trâu kia mà!

-Chăn thế nào?

-Tổ Quy Sơn dạy: Khi trâu liếc ngó hai bên muốn ăn lúa mạ người, phải kéo nó lại.

**Như thế lúc nào người chăn trâu cũng nhìn chừng, đâu có rảnh rỗi mà gọi là “VÔ KÝ” hay “HÔN TRẦM”. Đâu để rơi vào “KHÔNG”.**

Căn cứ vào Thập Mục Ngưu Đồ (10 bức chăn trâu), người chăn đến khi nào không còn thấy trâu và người chăn nữa (dứt cả năng tri và sở tri) mà chỉ còn một vầng trăng sáng rõ giữa không trung.

**Tóm lại, trong khi ngồi tu phải dùng trí tuệ Bát Nhã thấy rõ vọng tâm sanh diệt là đối tượng. Khi có vọng luôn biết có vọng. Khi không vọng vẫn biết không. Tâm luôn lặng lẽ và chiếu soi.**

Theo pháp tu này, ban đầu có đối tượng nhưng không có đề mục như Tiểu thừa. Vì có sự chiếu soi lặng lẽ nên cũng coi như là lối tu Mặc Chiếu -Thiền Mặc Chiếu.

## 6. Có đọa địa ngục không?

Hỏi:

- Ông Đề Bà Đạt Đa phá Phật nhiều đời, phạm tội ngũ nghịch. Nếu đọa tại sao mỗi đời còn theo phá Phật?

- Người tu đắc đạo có hai trường hợp: nếu còn yếu phải nhờ hoàn cảnh thuận lợi để tiến lên, trái lại khi đã mạnh rồi phải dùng nghịch cảnh để tiến. Ông Đề Bà Đạt Đa tuy phá Phật nhưng là Bồ Tát nghịch hạnh làm trợ duyên để Phật tiến đạo,

nên không dọa dọa ngục vì không có ác tâm. Tuy nhiên trên lý  
nhơn quả, Phật vẫn nói ông dọa dọa ngục vô gián.

Câu chuyện Ngài Mục Kiền Liên xuống địa ngục thăm ông  
Đề Bà Đạt Đa. Ngài hỏi:

-Ông ở đây có khổ không?

Ông trả lời:

-Tôi vẫn vui như Tỳ Kheo đạt quả Đệ Tam Thiên.

-Chừng nào ra khỏi?

-Khi nào Phật vào địa ngục.

Như vậy, Đề Bà dù ở địa ngục mà không thấy có địa ngục.

## **7. Chỗ khác biệt giữa Đại thừa và Tiểu thừa**

\* Đại thừa nhận tâm mình rộng lớn trùm khắp pháp giới,  
tức thể nhập pháp thân (Thể đại, tướng đại, dụng đại). (Đại  
Thừa Khởi Tín Luận).

\* Tiểu thừa chỉ diệt sanh diệt của sáu thức để rồi nhập  
“Diệt Tận Định” chứng A La Hán. Đại thừa gọi đó là: Trầm  
không trệ tịch, tiêu nha bại chủng (không phát đại bi tâm độ  
sanh).

## **8. Chấp thiện thì ác liền sanh**

Ở Hy Lạp một đạo có phong trào giết người khủng khiếp.  
Tại sao? Vì người đạo ấy cho rằng mọi người không chịu theo  
Kinh Thánh để lên Thiên Đường.

Sự thường, nếu ai không làm theo mình thì mình ghét.  
Nhưng chưa hẳn cái hiểu của mình là đúng, và khi cái mà mình  
cho là đúng là tốt, mà kẻ khác không theo thì coi như kẻ đó là  
kẻ “xấu số”, sẽ bị cái “ác” đến với họ.

Nghĩ thiện, chấp thiện thì cái ác liền sanh. Nghĩ thương người nào thì muốn bảo vệ người ấy. Thấy người khác muốn hại người mình thương liền có niệm phản đối (ác), và sẽ có hành động phản đối can thiệp bảo vệ. Chấp cái thương, cái thiện là mình tai họa. Muốn làm thiện mà bị cản trở thì trở nên bực, tâm ác theo đó mà sanh. Vậy: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác là hơn tất cả”.

“Nếu là cái thiệt thì không thương giận  
Thương giận thì không phải thiệt”.

## 9. Khác nhau trên một cái nhìn

Chúng ta sở dĩ phiền não là bởi do nhìn người trên cặp mắt chỉ trích, hoặc cặp mắt khinh miệt tự cao... rồi thấy người xấu xa dở tệ... bởi thế mới sanh ra phiền não, như tâm tật đố sân si.

Trái lại, nếu dẹp những lối nhìn trên mà nhìn mọi người trên cặp mắt “BÌNH ĐẲNG” mỗi người đều tốt, đều có tánh đặc biệt của họ, người ăn cướp vẫn có tánh tốt, nhất là mỗi người đều có Phật tánh (như Bồ Tát Thường Bất Khinh nhìn) thì đâu có phiền não. **Đạo Phật nhìn bằng cái nhìn như vậy (tất cả bình đẳng trên thể tánh) nên phá hết các kiến chấp, chủng tộc, nơn loại... Đạo Phật lấy chúng sanh làm đối tượng cứu khổ để thực hành hạnh từ bi. Vì thế từ bi của Đạo Phật cao tột, vượt ngoài tình gia đình, quốc gia, nhân loại. Nó là thứ tình chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều bình đẳng. Có thấy như vậy cho nên Phật mới thí thân cho cạp đối...**

## 10. Biết chủ khách

Hỏi:

- Khi tu chỉ biết: khách có biết có, không biết không, còn gì nữa không?

- Như người chủ nhà biết khách, biết chủ, đó là giai đoạn thứ nhất. Ở địa vị chủ loại khách. Khách hết, sắp xếp việc trong nhà, làm đẹp nhà cửa. Đến lúc hư hoại muốn dỡ nhà, phá nhà tùy ý (nhà dụ cho thân ngũ ấm). Một Thiền Sư nói: “Sở dĩ ta không làm chủ được nhà mình là cứ để: tên ăn trộm lén vào quấy phá”.

Hỏi:

- Người tu “BIẾT VỌNG” mà vọng cứ khởi vậy có lợi ích gì?

- **Lục Tổ nói: “Không sợ vọng khởi mà sợ giác chậm”.** **Vọng khởi mà tỉnh giác là đều có giác tánh hiển lộ. Một trăm lần vọng khởi có một trăm lần giác.** Biết sóng là nước thì vọng không sợ vì nó là chơn. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Ngọa Luân nói: “Niệm bất khởi”. Lục Tổ nói: “Niệm sở khởi. Căn niệm giác. Giác là Phật”.

Nhớ mặt biển mà không ngại sóng dậy, vì sóng từ biển sanh.

**Sống với bao nhiêu người mê mà mình vẫn tỉnh chớ không phải đóng cửa không tiếp khách.**

## 11. Hồ Hán đều hiện

Như tám gương xưa, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Người nào đến, vật nào đến đều hiện rõ mỗi thứ. Dầu hiện rõ muôn thứ mà mặt gương không bao giờ thay đổi.

Như nhận bay trong hư không, không lưu lại dấu vết nào.

Như trăng soi dòng nước mà nước và trăng không đến nhau. Nước chẳng dính trăng.

**Người thấy tánh, gặp duyên liền khởi dụng nhưng thể tánh chơn thật không thay đổi. Ấy là tự tánh dụng.**

## 12. Một câu tóm tắt

Hỏi:

- Xin cho một câu tóm tắt nghĩa tu thiền?
- Biết cái giả không theo. Nhận cái thật thường sống.

## 13. Sống cái nào gọi là “ÔNG CHỦ”

1. Phân biệt tốt, xấu, yêu ghét... Cái biết này thuộc về **thức tình**.

2. Biết được cái phân biệt tốt xấu trên, tức biết được cái thức tình. Cái biết này thuộc về trí và trí này thuộc về **trí dụng**.

3. **Biết lặng lẽ trùm khắp, không so sánh phân biệt.** “TRÍ” này thuộc về “TRÍ THỂ”. Trí này cũng gọi là “ÔNG CHỦ”. Người tu phải trở lại sống với “TRÍ” này.

Hỏi:

- Kinh Kim Cang nói: “Tâm ba thời không thể đặng...” tại sao lại dạy phải sống với ông chủ (có đặng).

- Kinh dạy phá ba thời, vì tâm ba thời vọng không thật, nhưng ông chủ hằng hiện hữu, phi thời gian, lúc nào cũng vẫn hiện tiền.

## 14. Định nghĩa Chơn Không

Tên Chơn Không có ba nghĩa:

1. Y cứ Kinh điển Đại thừa: Chơn Không thể tịch tịnh của các pháp, từ thể hiện bày diệu dụng, hay gọi là Diệu hữu.

2. Y cứ Thiên Tông: Chơn Không là tánh giác, tánh giác này “không một vật”. Lục Tổ nhận được tánh giác này nên nói kệ “Bản lai vô nhất vật”...

3. Y cứ Thiên Sư: Tên vị Thiên Sư Chơn Không đời Lý (Việt Nam).

## 15. Tu tập đừng đặt nặng thời gian

Hỏi:

- Có người vừa phát tâm tu thì tính toán thời gian, tôi phải tu năm năm, bảy năm... tính toán như thế có hợp đạo lý không? Thử hỏi có hai người: \* Một người làm cho hết việc. \* Một người làm cho hết giờ. Vậy người nào tốt?

Đáp:

- Người làm hết việc tốt.

Vậy mà thường người tu học hay có quan niệm tu cho mau thành, chóng kết quả, do vậy mà dễ bị gạt. Đúng ra chúng ta tu không thể hạn thời gian. Vì có ai biết bao giờ hết vọng tưởng đâu? Đặt thời gian là yếu đuối, là lười biếng. Tu ít mà muốn kết quả nhiều. Người mạnh sẵn sàng làm bất cứ bao lâu cũng được, miễn là xong việc.

**Tóm lại, chúng ta hãy nỗ lực tiến tu, đừng đặt nặng thời gian.**

## 16. Tinh thần cầu nguyện

Hỏi:

- Vì sao trong Kinh Nhật Tụng lại chọn phẩm Phổ Môn làm Kinh Cầu an?

Đáp:

- Vì Phẩm này nói nhiều về cứu khổ, cứu nạn mà thường người ta hay cầu an và sợ khổ. Vì vậy, chọn phẩm này làm Kinh Cầu an, nhưng ít ai hiểu được tầm quan trọng của phẩm này. Chúng ta thường cứ nghĩ tụng cho có phước, chứ không hiểu được ý nghĩa thâm sâu của Kinh.



Kinh Pháp Hoa đến Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn này là đến phần phá “TƯỚNG ẮM”, mà con người có khổ là do Tướng. Phá Tướng thì hết khổ. Một viên đạn bất ngờ xuyên qua chúng ta, chúng ta đâu có sợ. Một nhát dao quá nhanh không làm ta sợ, nhưng nếu cứ khứa từ từ thì ta tưởng tượng mà rợn mình. Để chứng tỏ cái sợ từ tướng mà có cho nên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát là trở về tánh nghe. Trở về tánh nghe thì bật chỗ tướng. Không chỗ tướng thì khổ từ đâu mà có? Nên nói, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì qua khỏi khổ nạn. Đó là nói về “LÝ”.

Về sự, niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát hết khổ như thế nào?

Giả sử chúng ta đi đường sợ ma, lúc đó sợ quá, thành khẩn niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Bởi lo niệm Quán Thế Âm Bồ Tát nên một lúc hết nhớ đến ma, “sợ” cũng theo đó mà hết. Tức là hết khổ. Bị tai nạn cũng vậy. Lúc gặp tai nạn, chúng ta mãi lo niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát nên không còn thì giờ rảnh để tưởng nhớ đến sự việc xảy ra, do đó cũng quên hết khổ.

Hỏi:

- Tôi thấy có nhiều chuyện niệm Quán Thế Âm rất linh ứng đó là sao?

Đáp:

- Vẫn biết Đức Quán Thế Âm Bồ Tát rất linh ứng và sẵn sàng cứu khổ cho chúng ta, nhưng nó còn đòi hỏi chúng ta phải tu nghiệp lành đúng với quả mong cầu, thì việc cầu của chúng ta mới có kết quả.

Bây giờ tôi hỏi lại: Như gặp tai nạn thì bao nhiêu người niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng tại sao có người được khỏi, có người không khỏi? Đâu phải ai niệm cũng được khỏi hết. Như vậy thành ra Bồ Tát có lòng thiên vị người này, ghét bỏ người kia sao?

Điểm này chúng ta phải hiểu rõ. Tùy theo nghiệp tương ứng của mỗi người mà có. Người có phước lành thì niệm đến điều lành, cảm việc lành. Trái lại, người nghiệp ác quá nặng có thể không cảm nổi điều lành. Người có phước không nhất định niệm Bồ Tát thì Bồ Tát hiện, mà có thể họ niệm Chúa thì Chúa hiện, hoặc niệm Thần Thánh thì Thần Thánh hiện, đều do phước lành của họ mà cảm nên. Còn người tạo nghiệp ác quá nặng, tuy có niệm đến điều lành, nhưng không đủ sức cảm hiện nên vẫn bị khổ. Người xưa nói: “LINH BẤT LINH TẠI NGÃ” là như thế.

**Tóm lại, cảm ứng chẳng phải không, nhưng có là do ở chúng ta, chẳng phải ở Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chỉ là cái duyên phụ thuộc bên ngoài thôi. Nếu chúng ta một bề hưởng bên ngoài mà cầu sự linh ứng đó, là bỏ gốc theo ngọn, trái với ý chỉ của Kinh.**

Hiểu vậy thì chúng ta niệm mới “CẢM ỨNG BẤT TU NGHÌ”.

## 17. Xin một chữ

Một người học Thiền từ phương xa gửi thư đến xin một chữ để tu.

Đáp: - Một chữ “TỈNH” hoặc một chữ “XẢ”.

## 18. Phật ở đâu?

Đây là lời của Ngài Phó Đại Sĩ nói về chỗ sở hành của mình.

### TÂM PHẬT

Dạ dạ bảo Phật miên  
Khởi tọa tấn trường tùy  
Tin hành bất tương ly  
Dục thức Phật hà khứ

Triêu triêu hoàn cộng khởi  
Ngữ mặc đồng tương chỉ  
Như thân ảnh tương tợ  
Chỉ giá ngữ tinh thị.

**DỊCH:**

Đêm đêm ôm Phật ngủ	Ngày ngày cùng Phật dậy
Ngồi đứng hằng theo nhau	Nói nín đồng chung ở
Mãi mãi chẳng xa nhau	Như hình cùng với bóng
Muốn biết nơi Phật đi	Chỉ chỗ nói năng ấy

“Muốn biết nơi Phật đi. Chỉ chỗ nói năng ấy”. **Đây là chỗ Ngài Mã Tổ trả lời với Huệ Hải: “CHÍNH CÁI NGƯỜI HỎI TA ĐÓ”.**

Nhận ra được điều này rồi sống cùng như vậy.

## 19. Đừng kèm tâm và đoạn tư tưởng

Chỉ biết vọng không theo là đủ, đừng kèm tâm và đoạn tư tưởng (Vì đoạn tư tưởng là pháp tu của Tiểu thừa). Tại sao? Vì tư tưởng như mây khói, đâu có thật mà phải đoạn trừ. Như bài kệ của Lục Tổ bác cái hiểu lầm của ông Ngọa Luân trong Kinh Pháp Bảo Đàn. Lối tu “chăm chăm nhìn vọng tưởng như mèo rình chuột là lối dạy tu của pháp tu công án, dùng áp lực để tâm thành một khối, đủ duyên sẽ phát ngộ (bộc phát).

## 20. Nghiệp và vọng tưởng có đáng sợ không?

1. Sợ nghiệp.

2. Sợ vọng tưởng.

- **VỚI NGHIỆP:** \*Đáng sợ với người thấy nghiệp là thật. \*Không đáng sợ với người biết nghiệp không thật. \*Không đáng sợ mà làm chủ nên chuyển được nghiệp.

- **VỚI VỌNG TƯỞNG:** Vọng tưởng biết không sợ. Đừng sợ vọng khởi, chỉ sợ biết chậm. Nó khởi mặc khởi, mình chỉ giữ vững cái "BIẾT", bám sát cái "BIẾT". "MÌNH" tức "BIẾT", "BIẾT" tức "TÁNH", không ngại.

Lại thêm trong giấc ngủ có nhiều mộng mị, là do nơi nghiệp thức chúng tử khởi hiện hành. Đây là do thiếu sự làm chủ, vì thiếu trí huệ quán chiếu.

Muốn tiêu trừ mộng mị thì gia tăng cường độ huân quán trí tuệ.

**Hãy điềm đạ huân tu. Vọng trước thù, sau ấy bạn.**

## PHẦN NĂM

# TRÍCH GIẢNG THIỀN SỬ

-----

### 1. Được danh và được thể

Có vị Thiền khách hỏi Thiền Sư Tánh Không:

- Thế nào là ý Tổ Sư từ Ấn Độ sang?

Tánh Không đáp:

- Như có người bị té giếng sâu ngàn trượng, không có một tấc dây, đợi chừng nào người ấy lên sẽ đáp ông.

Ngưỡng Sơn Huệ Tịch nghe nói vậy thắc mắc đem hỏi Ngài Đàm Nguyên:

- Người ở dưới giếng làm sao lên được?

Đàm Nguyên quở:

- Kê si, ai ở dưới giếng?

Sau đến Qui Sơn, Huệ Tịch lại đem câu ấy hỏi:

- Người ở dưới giếng làm sao lên được?

Qui Sơn liền gọi:

- Huệ Tịch.

Huệ Tịch đáp:

- Dạ.

Qui Sơn liền bảo:

- Ra rồi. Ra rồi.

Ngay đó Huệ Tịch liền ngộ, Ngài nói:

-Tôi ở chỗ Đam Nguyên được danh, ở chỗ Qui Sơn được thể.

**BÌNH:** Vì sao Ngài nói ở chỗ Đam Nguyên được danh? Vì sao ở chỗ Qui Sơn được thể?

Bởi Ngài Ngưỡng Sơn cứ đĩnh ninh rằng: có người ở dưới giếng lên, ngờ đâu bị gạt một cách đáng thương. Thấy vậy, Ngài Đam Nguyên bèn phá gỡ cho, liền bảo: -Kẻ si. Ai ở dưới giếng? Huệ Tịch liền nhận ra lỗi trước, tuy nhiên chỉ mới nhận ra cái lý không người dưới giếng mà chưa thấy thật chính mình. Đến Qui Sơn gọi: Huệ Tịch. Đáp: Dạ. Bảo : Ra rồi! Là chỉ rõ cái thể hiện tiền. Huệ Tịch ngay đó liền vỡ lẽ: “CHÍNH MÌNH VẬY”.

## 2. Trâu đã thuần chưa?

Một hôm Tề An Công đến hỏi đạo Ngài Bạch Vân Nghĩa Doan. Bạch Vân hỏi:

- Trâu đã thuần chưa?

Công thưa:

- Đã thuần, đã thuần.

Bạch Vân bèn mắng cho một trận. Công mặt đổi sắc, đang ngồi bèn đứng dậy khoanh tay. Bạch Vân hỏi:

- Thuần chưa?

Công im lặng. Bạch Vân liền nói:

-Trâu ở trong núi đủ nước đủ cỏ.

Trâu ra khỏi núi chạm Đông chạm Tây.

**BÌNH:** Người tu ví như người chăn trâu giữ gìn chớ cho trâu ăn lúa mạ người. Lúc đầu nó còn hung hăng, sau lần lần thuần thực. Khi thuần buông roi, buông dây không phải chăn

giữ mà nó vẫn không phạm lúa mạ người. **Người giữ tâm mình được đúng mức thì không bị thịnh sắc (CẢNH) làm chuyển lay.** Để trải nghiệm trình độ, Thiền Sư đã hỏi người:

- Trâu đã thuần chưa? (Tức tâm ông đã yên chưa?).

Ở đây Công thưa: Đã thuần, đã thuần (Tâm tôi đã yên rồi).

Ngay đó Thiền Sư liền mắng cho một trận. Đây là để nghiệm xem Công đã thiết chưa, tâm đã thực yên chưa? Tiếc thay Công chưa được yên thực sự, nên mặt mày biến sắc, trong lòng có vẻ không vui. Bạch Vân gạn lại: Thuần chưa?

Hỏi như vậy để đánh thức thực trạng trong tâm người. Nhưng Công lại cố chấp, khoanh tay im lặng.

Ngài tiếp:

- Trâu ở núi đủ nước đủ cỏ. Trâu ra khỏi núi chạm Đông chạm Tây.

Khi tâm không duyên thì yên, có duyên đến thì bị động, mất đi cái yên ổn mà sân hận nổi dậy, khác nào trâu ra khỏi chuồng thì báng bổ, quật Đông, quật Tây.

Việc huân tu như vậy là chưa được thuần. Khi không duyên thì ngỡ mình đã thuần, khi duyên đến, chạm duyên thì mới hay mình chưa. **Người tu, tu không chỉ ở trong yên, mà phải ở ngay trong cái động mà vẫn yên, thế mới là thực.**

Công khi không có bị chửi thì ngỡ mình yên. Khi bị chửi thì nổi sân, hết yên. Đây là chưa thật. **Phải khi không có chửi, khi có chửi mà vẫn yên thì cái yên đó mới là thực.**

### 3. Hái dưa cho người không vào vườn ăn

Thiền Sư Thanh Phẫu ở nơi hội Ngài Đại Dương. Một hôm Sư đang trồng dưa, Đại Dương vào vườn hỏi:

- Dưa đã chín chưa?

Sư Thưa:

- Dưa đã chín.

Đại Dương bảo:

- Lựa một trái hái ăn chơi.

Sư thưa:

- Hái cho người nào ăn?

Đại Dương bảo:

- Hái cho người không vào vườn ăn.

Sư thưa:

- Chưa biết người không vào vườn có ăn không?

Đại Dương hỏi:

- Ông có biết y chưa?

Sư thưa:

- Tuy không biết mà đâu được chẳng cho.

BÌNH: Đã có người hỏi xin mà chủ vườn lại hỏi: Hái cho người nào ăn? Người chủ vườn muốn gì? Ông trả treo khó dễ, muốn xác định cái kẻ “BIẾT ĂN”, kẻ ấy là ai? Tại sao đương sự sờ sờ ra đấy mà lại hỏi quái như vậy? Tuy vậy không thể trả lời rằng:

- Hái cho tôi ăn!

Nói như vậy có được không?

Người xin xác định như vậy là đã nhằm, mắc bẫy kẻ trồng dưa rồi. Đại Dương không thế. Ngài là người “lái buôn” sành sỏi, chỉ có lừa người, nào ai lừa được. Đâu dễ chỉ nửa câu lại bị mắc hõm. Đã là kẻ “lái” chuyên nghiệp nên trả giá đúng mức để thu lợi, phải nắm chắc việc ấy trong tay. Ngài quật ngược lại người, đoạt cơ chủ rẫy:

- Hái cho người không vào vườn ăn.



Một câu trả lời ma quái, hư ảo. Người vào vườn xin dưa cho kẻ “KHÔNG VÀO” ăn. Một chuyện lật lọng ngược lại chủ vườn trả treo. Đã vào mở miệng xin sao lại để cho kẻ khác ăn? Ngài mắc cỡ chẳng? Không dám nhận kẻ ấy là mình? Không tự cho mình là kẻ ăn, lại đổ thừa cho kẻ khác.

“Kẻ không vào vườn” ấy là ai? Là kẻ nào? Có ai thấy hẳn đâu. Có chẳng cũng chỉ là bóng ma. Nhưng đã là một bậc đại nhơn, Ngài Đại Dương đâu thể chối quanh, nói vô nghĩa như thế. Ngài đã nói một cách xác thật đó. Đã giới thiệu một khách quý với chủ vườn, người đó là kẻ sành sỏi biết thưởng thức hương vị dưa ngon, kẻ đó đáng được cho ăn. Người đó là “người không vào vườn”.

Nếu là kẻ khác, không phải Thanh Phẫu, người chủ vườn này thì sẽ nhìn quanh quất kiểm xem người không vào vườn ấy là ai? Nhưng kẻ chủ vườn này không làm cái việc phí công vô ích ấy. Không bị lời lẽ ma mị của “ÔNG GIÀ” lừa, mà trái lại còn làm khó dễ, hỏi đon hỏi ren, không muốn hái cho nữa là khác.

- Chưa biết người không vào vườn có ăn không?

Một lối nói để giữ dưa, không muốn mất một quả. Người chủ vườn thật lợi hại, dù là tay đại bịp cũng khó mà qua. **Lời nói ấy đã chứng tỏ người chủ dưa đã biết rõ người “KHÔNG VÀO VƯỜN” kia.** Lời nói ấy đã chặn trái dưa trước mắt Đại Dương. Người chủ vườn quả thật là kẻ đáo để. Kẻ “BỎN XÉN”.

Nhưng Đại Dương là một ông lái giỏi, đâu để mất món hàng xét ra lợi nhuận rất cao. Ngài lật ngang lời người, hất chân kẻ chặn:

- Ông có biết y chưa?

Đây là lời quyết liệt, lời đoạt dưa. Lời này thật lợi hại, nếu không phải là Đại Dương, kẻ lái chuyên nghiệp thì khó lòng, chỉ ngó dưa mà trừ, hối tiếc.

Dại Dương, một lời đã buộc người dâng hoa quả. Một xảo thuật “KIỂM ÁN” thực tài tình. Lời ấy đã đưa ông chủ vườn vào thế phải chấp nhận. Và chủ dưa đã hoan hỷ không còn trả treo nữa, mà nhất tâm tùy hỷ cúng dường lên con người “KHÔNG VÀO VƯỜN” ấy. Chủ dưa đã kính cẩn:

- Tuy không biết mà đâu được chẳng cho.

Người chủ vườn thật là kẻ hiếu khách, một kẻ thạo việc trồng trọt, lại thạo của thạo người. **Một chủ vườn dưa tròn vẹn, dâng dưa mà không mất một trái.**

“NGƯỜI KHÔNG VÀO VƯỜN” ấy là ai?

#### 4. Có mắt không mắt

Một hôm Thiền Sư Nguyệt Am đến chơi Phong Nguyệt Đình thấy có đề bài thi:

Phong lai từng đánh thanh nan lập  
Nguyệt đáo ba tâm đoạn dục trầm  
Hội đắc phong từng nguyên ngoại vật  
Thủy tri giang nguyệt tự ngô tâm.

Đọc xong Sư liền nói:

- Ai làm bài thơ này là kẻ mù.

**BÌNH:** Đây chỉ cần sửa hai chữ thôi tức được sáng mắt, mỗi người tự sửa xem?

#### 5. Cái đánh không can dự gì đến việc kia

Ngài Minh Đạo Giả ở chùa Khai Phước đến tham vấn Ngũ Tổ Pháp Diễn. Ngũ Tổ thấy Sư tánh tình điềm đạm thông minh, phong cách đặc biệt nên thường khen ngợi hạnh Sư trước chúng. Vì thế, trong chúng có một số người sanh tâm đố kỵ muốn làm nhục Sư cho bỏ ghét. Một hôm họ rủ Sư đi dạo núi rồi hè nhau đánh Sư một trận thương tích khắp mình. Về chùa,

Sư nằm liệt luôn đến mấy hôm không đi thọ trai được. Sau Ngũ Tổ hỏi ra mới hay cơ sự bèn đến thăm Sư. Tổ bảo:

- Ông bị bọn vô lễ làm hỗn như thế sao không mách với lão Tăng, để lão Tăng đánh đuổi họ đi?

Sư thưa:

- Con bị đánh thương tích thì con chịu, không can dự gì đến việc kia.

Tổ bảo:

- Sức nhẫn nhục của ông còn hơn lão Tăng, về sau không ai làm gì ông nổi.

**BÌNH:** Tuy là chốn đạo tràng, nhưng người tiểu tâm đâu phải là không có. Ở đạo tràng Hoàng Mai, Ngũ Tổ Hoàng Nhấn khi trao y bát cho Lục Tổ khiến Ngài Huệ Năng thiếu điều mất mạng. Nay đến đạo tràng Ngũ Tổ Pháp Diễn, chỉ vì Ngài Pháp Diễn đặc biệt chú ý đến người, khiến người bị kẻ xấu ác đánh đập tàn nhẫn. Việc đời nó là vậy. Trong tập thể thì có kẻ xấu người tốt là lẽ đương nhiên, như bàn tay có năm ngón, ngón dài ngón vắn không đều, việc ấy không phải nói. Chỉ nói đến người bị thọ nạn.

Ngài Minh Đạo Giả đã bị kẻ xấu hành hung. Ngài có thân thế lớn (Hòa Thượng Pháp Diễn) thế mà không dựa vào để trả hận, ngược lại, Ngài còn lặng lẽ không dĩ hơi. Bị đánh đau, liệt bại thì chịu không kêu than không thống trách, tính toán trả hận. Một việc làm như vậy có phải vì Ngài sợ lời bọn kia hăm dọa sẽ hạ sát khi Ngài thưa ra không?

Không! Chắc chắn là không! Ngài có thể lực lớn mà. Ngài một bề im lặng chịu đựng chỉ vì một dạ sống vì Phật pháp.

- Lấy ân báo oán.

- Lấy tình thương xóa bỏ hận thù.

- Tứ đại giả hợp.

- Ngũ uẩn giai không.

Nhưng Ngài không phải vì những thứ ấy mà nhẫn chịu, mà trở thành con người cao thượng, một con người có dạ từ bi... mà Ngài đã thể nhận sâu sắc lẽ nhiệm màu: Không can dự đến việc kia.

“VIỆC KIA”. Chính “VIỆC KIA” là phép màu rút Ngài ra khỏi vòng ân oán, mà có được sự nhẫn chịu phi thường để Ngài trở thành một kẻ có tâm hồn cao thượng, một kẻ biết đem tình thương xóa bỏ hận thù, một con người từ bi đại độ.

**“VIỆC KIA” là việc gì? Ấy là việc không là ngũ uẩn, không ngoài ngũ uẩn. Là việc mà ở trong đó không có một quả đấm nào có thể đấm được.**

Có thể Ngũ Tổ Pháp Diễn mới tán thán:

- Sức nhẫn nhục của ông còn hơn lão Tăng, về sau không ai làm gì ông nổi!

## **6. Một chiếc áo rách nát**

Ngài Tuyết Đường lúc ở trong chúng, ngộ đạo xong Sư chỉ mặc duy nhất một chiếc áo từ Đông sang Hạ, trải qua nhiều năm nên rạn đầy cả áo mà Sư không nỡ bắt. Trong chúng có người chán ghét hạnh nuôi rạn của Sư.

Sư có ông thân làm quan, khi ấy đổi đến gần chỗ Sư đang ở. Một hôm Sư đến thăm cha mẹ nhưng lính gác thấy Sư ăn mặc dơ rách quá nên không cho vào cổng. Sư bèn cởi chiếc áo đưa cho lính nhờ đem vào trình quan. Bà mẹ nhìn chiếc áo biết là con mình bèn cho gọi vào. Thấy áo quá rách và đầy rạn, bà mẹ đem dẹp và đổi áo khác cho Sư. Sư khóc nói:

- Là quyến thuộc ở cùng tôi đã lâu, nay chia tay lẽ đâu lại chẳng buồn!

Khi ấy bà con quyến thuộc hay tin Sư về, mới hẹn hôm sau đến thăm Sư. Đêm ấy Sư lén trốn đi và để lại một bài kệ:

Mạc hiềm tâm tợ thiết  
Tự kỷ thượng vi can  
Tảo tận môn tiền tuyết  
Phương khai hỏa lý liên  
Vạn ban hư cách vấn  
Nhất đẳng thị vọng duyên  
Cá sự tương ưng xứ  
Kim Cang chủng hiện tiền.

**DỊCH:**

Chớ trách tâm như sắt  
Chính mình còn chẳng ưa  
Quét sạch tuyết trước cửa  
Mới nở sen lò hồng  
Muôn việc thôi chớ hỏi  
Bậc nhất là nên duyên  
Việc này chỗ thích hợp  
Giống Kim Cang hiện tiền

**BÌNH:** Người khi ngộ đạo, thấu lẽ **CHƠN KHÔNG**, mọi việc quanh thân đều được xem nhẹ. Ăn mặc, cơm áo đã trở thành phụ thuộc, có gì phải nghĩ tới. **Một chiếc áo “CHÂN THẬT” mặc hoài không cũ, trùm hoài không rách, mang hoài không hư hoại nhàu nát. Tung ra thì khắp sum la vạn tượng, thu lại chừng mây lông, đầu sợi tóc. Có gì làm như nó? Bất cấu bất tịnh. Có gì làm suy chuyển. Bất sinh bất diệt.**

Chiếc áo như vậy đã khoác lên mình Sơn Tăng, thì còn chiếc áo nào đáng giá hơn nữa? Vì vậy, việc áo xống chúng chỉ là sở thuộc của Sơn Tăng. Sơn Tăng đã dùng nó, làm chủ nó, chứ nó không còn làm chủ sai khiến Sơn Tăng nữa. Mặc và mặc mãi, mặc đến khi nào không mặc được nữa thì quăng, không chăm sóc không luyến tiếc.

Để nói lên việc làm chủ sự ăn mặc, khi thấy mình có chiếc áo bằng trân bảo lộng lẫy, Ngài Tuyết Đường đã mặc hoài một

chiếc áo suốt bao năm. Việc ấy đã làm ngứa mắt người có cái nhìn chỉ biết trên cái ăn cái mặc. Đáng tiếc thay cho người! Người trong tông lâm còn như vậy, huống là kẻ thế tục không hiểu đạo lý gì?

Từ một chiếc áo như vậy đã hóa hiện biết bao nhiêu chúng sanh. Loại rận mặc tình nấy nở. Dù có bị cắn rứt mà Ngài vẫn xem như là bạn. Nổi cắn rứt ngoài da thịt có là bao. Ngài rằng nổi cắn rứt trong tim não kia. Ngài không có nổi cắn rứt trong tim não, thì coi việc cắn rứt trên da thịt có nghĩa lý gì. Nó hút máu Ngài là hút dòng máu cam lồ. Với dòng máu ấy chúng sẽ “tu” theo Ngài, sẽ làm con cái Ngài, cũng như con cái nút sữa mẹ.

Vì vậy, khi các “lũ con” của Ngài bắt buộc phải xa lìa Ngài bởi bàn tay của người mẹ, thì Ngài làm sao mà không xót xa được?

**Sự thể hiện đời sống đạo của Ngài tuy cục bộ, nhưng rất gần gũi và xác thật với sinh hoạt thường nhật của cuộc sống. Con người mãi bộn rộn, cũng chỉ vì duyên. Duyên mà không dứt chỉ phí công tu. Người muốn rảnh rang thanh sạch phải lo quét dọn tuyết trước ngõ nhà mình. Duyên phải cắt đứt, ấy là yếu chỉ “VẠN DUYÊN BUÔNG” hết.**

Duyên trong, duyên ngoài đều bật đứt, đây là chỗ giống Kim Cang nẩy nở.

## 7. Thành cái gì?

Vua Hiến Tông nhà Tống hỏi Thiền Sư Phật Chiếu:

- Đức Thế Tôn vào núi Tuyết, sau thành đạo, hỏi thành cái gì?

Phật Chiếu đáp:

- Dám bảo Bộ Hạ đã quên.

Vua rất hài lòng. (Vua Hiến Tông đã từng hỏi câu này với nhiều vị Thiền Sư khác, nhưng câu đáp không được vua hài lòng lắm).

**BÌNH:** Đức Thế Tôn thành đạo là thành cái gì? Đây là một vấn đề trọng đại. Vua Hiến Tông đã từng hỏi câu này với nhiều Thiền Sư. Thành cái gì? Đã bao người học đạo thắc mắc điều này. Người ta nói “THÀNH” tức chứng Bồ Đề, đạt cõi Niết Bàn. Nhưng ở đây Ngài Phật Chiếu trả lời đơn giản:

- Dám bảo Bệ Hạ đã quên.

“CÓ” mà không nhớ ra, tức là đã “QUÊN”.

Ngài Phật Chiếu rất khéo, vua hỏi việc Phật mà Ngài từ Phật xoay lại vua, vì vua mà chỉ thẳng, khác nào Đạt Ma Tổ Sư vì vua Lương mà chỉ cho. Ngài đã mạnh dạn nói:

\* Bệ Hạ đã quên. \* “QUÊN” cái gì? \* Quên cái đã có. \* Ở địa vị Bệ Hạ có cái gì? \* Có cái mà nhà vua đã “QUÊN”.

Cái “CÓ” đó là cái quý giá tột bậc ở một ông vua, ở một người. Nhưng rất tiếc ở nhà vua, và con người đều quên. Đức Phật đã thành đạo, nay Ngài từ bi chỉ thẳng chỗ “THÀNH” ấy. **Đó là chỗ mà “BỆ HẠ ĐÃ QUÊN”, mà bao nhiêu người đã quên. Thành cái “CÓ” mà đã “QUÊN”. Thật đơn giản biết bao. Nhà vua nghe qua mà bừng tỉnh. Tỉnh cái mình đã “CÓ”.**

Vua có, người có chăng? \* “CÓ”.

## 8. Một tiếng nạt đáng ngàn vàng

Thiền Sư Phần ở Kiếm Môn. Thuở nhỏ, một hôm Sư bắt thần hiểu đạo rồi tự cạo tóc, nhưng vẫn thường chạy rong chơi trong xóm làng, nên thiên hạ gọi Sư là “Tăng điên”. Sau Sư xuất gia tham thiền và đến nương Ngài Đại Huệ. Đại Huệ nghe nói “Gã phong điên” nên không cho Sư nhập chúng. Sư đành phải ra đi đến sông Triết giang, đứng bên bờ trạm, Sư tủi thân khóc than:

- Ta đã lang thang bao năm trời, nay định nương Ngài Đại Huệ mà cũng không được chấp nhận, chắc tại kiếp trước ta không có gieo hạt giống Bát Nhã.

Trong khi đang khóc sụt sùi thì nghe lính nạt:

- Tránh ra, quan Thị Lang đến.

Sư bỗng nhiên đại ngộ, liền làm kệ:

Cơ niên cá sự quấy hung hoài  
Vấn tận chư phương nhãn bất khai  
Kim nhật can trường hốt nhiên phá  
Nhứt thanh giang thượng Thị Lang lai.

#### **DỊCH:**

Bao năm việc ấy chứa trong lòng  
Hỏi hết các nơi mắt chẳng khai  
Nay bỗng ruột gan tan vỡ hết  
Trên sông một tiếng Thị Lang Lai.

**BÌNH:** Một con người đã thao thức trên lối về đại đạo, nhưng hình tung kỳ quái, khiến người ruộng rẫy không chấp nhận. Hận mình một nỗi vô duyên, kém mầm Bát Nhã, thề một quyết hy sinh thân mạng, dứt đi nghiệp chướng oan khiên, mong sao đời khác tiếp nối trọn lành không oan oan ương ương như thỏ này nữa.

Thời cơ đã đến, lính mở đường quất nạt mở lối cho quan Thị Lang tiến bước. Đang khi đau khổ bời bời, ruột gan rối loạn, nổi lòng rã tan. **Giữa cái lúc chỉ còn ta và ta, niềm băng giá phủ lấp cõi hồn thì tiếng quân thét. Ngay lúc đó băng tan, giá rã, nỗi khổ cuốn trôi phẳng phẳng một mối. Tâm hồn rỗng rang nhẹ hững, Ngài đã sống lại từ bên kia cõi chết.**



## 9. Buông xuống đi

Nghiêm Vương Tôn Giả hiệu Thiện Tín là đệ tử của Triệu Châu. Một hôm Sư hỏi Triệu Châu:

- Một vật chẳng đem đến thì thế nào?

Triệu Châu bảo:

- Buông xuống đi.

Sư thưa:

- Đã là một vật chẳng đem đến buông cái gì?

Triệu Châu bảo:

- Buông chẳng được thì nên gánh đi.

Qua chuyện này, Ngài Huệ Nam có làm bài tụng:

Nhất vật bất tương lai

Ngôn hạ hốt tri phi

Độc ác ký vong hoài

Quang âm cư bách niên

DỊCH:

Một vật chẳng đem đến

Qua lời chợt biết lối

Lòng quên các độc ác

Thời gian trăm năm lẻ

Kiên đầu đảm bất khởi

Tâm trung vô hạn hỷ

Xà hổ vi tri kỷ

Thanh phong du vị dĩ

Trên vai gánh chẳng kham

Trong tâm vui vô vàn

Cọp rắn làm bạn mình

Gió mát vẫn còn nguyên.

**BÌNH:** Ngài Huệ Nam tuy người sau, cách nhiều đời mà vẫn tương thông người trước. Ngài đã biết rõ chỗ vi người của Triệu Châu. Kẻ hỏi đã mang gọng mà còn quảy môi lưỡi. Tiếc thay đương sự chẳng nhận ra. Ngài Huệ Nam qua lời chợt biết lối. Lối chỗ nào?

- Buông!

Lòng Ngài Huệ Nam thư thái nhẹ nhàng. Ngài đã quên các loài độc ác, cùng cọp rắn làm bạn mình. Sao kỳ vậy?

**Người đã thôi rồi đa mang nghiệp chướng ẩn chôn cùng cốc sơn lâm mà làm bạn với thú rừng. Ngày qua tháng lại thông thả huân tu.**

Dù thời gian trên thế kỷ, giữa mình và người xưa, Ngài vẫn thấy lời kia là làn gió mát. Lời ấy vẫn còn nguyên. Vẫn rõ ràng giữa hoa ngàn cỏ dại.

Lời gì? - “**BUÔNG**”!

## 10. Tỉnh giác là đạo

Thiền Sư Tư Nghiệp trước khi xuất gia làm nghề đồ tể. Một hôm đang thọc huyết heo bỗng chợt tỉnh liền đi xuất gia. Ngài có làm bài kệ:

Tạc nhật dạ xoa tâm

Kim triêu Bồ Tát diện

Bồ Tát dữ dạ xoa

Bất cách nhất điều tuyến.

### **DỊCH:**

Hôm qua tâm dạ xoa

Sáng nay mặt Bồ Tát

Bồ Tát cùng dạ xoa

Chẳng cách một sợi tóc.

**BÌNH:** Một con người bị miệt thị là kẻ đồ tể, thế mà ngay khi xuống tay thọc huyết heo thì liền chợt tỉnh. Người đồ tể hôm nay khác nào người đồ tể thuở trước: đồ tể Quảng Ngạch. Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật (Quảng dao mổ heo, ngày đó thành Phật).

Xưa nay chỉ một tâm. Xưa nay chỉ một hành động. Kẻ xưa và người nay không khác. Người bên cạnh Phật một thuở, người cách Phật một ngàn năm vẫn không khác. Tâm và hạnh giống nhau, người nay vẫn đồng người xưa. Chánh pháp, mật pháp nào có quan hệ. Chánh mật chỉ ở tâm này.

Làm sao khi dựng lập thời gian trên một mê hay tâm giác? Giác mê, mê giác bao nhiêu mặt cách một thời gian nào? Mặt mũi dạ xoa và Bồ Tát chỗ khác nhau được xác định bởi ranh giới nào? Ai biết rằng chính đây, ngay đây.

## 11. Nghịch hạnh

Thượng Tọa Pháp Minh là cháu trong Tông Vân Môn. Sau khi ngộ đạo Ngài về quê và chuyên đi tụng sám, gặp ai mời ăn thịt, uống rượu thì xáp vô nhậu đến say mèm, còn ai mời ăn chay thì nhất định từ chối. Như thế trải qua mười mấy năm.

Một hôm Ngài bảo trong chúng:

-Mai ta tịch đấy.

Chúng không ai tin cả. Sáng hôm sau Ngài la to:

-Ta đi đây, hãy đến nghe ta nói kệ:

Bình sanh túy lúy diên quyết  
Túy lúy khước hữu phân biệt  
Kim triều tửu tỉnh hà xứ  
Dương liễu ngạn, liễu phong tàn nguyệt.

### DỊCH:

Bình sanh trong say té ngã  
Trong say lại có phân biệt  
Sáng nay tỉnh rượu đi đâu  
Bờ dương liễu, trăng tàn gió sớm

Ngài nói kệ xong liền tịch.

**BÌNH:** Một con người say khước đã bao nhiêu năm, công hạnh theo thông thường không có. Một người tu như vậy thật lạ. Vậy mà trước phút ra đi vĩnh viễn khỏi cuộc đời lại hẹn được ngày, giờ, lại nói lên điều uẩn áo. Tâm hạnh Thiền Sư thật khó lường.

\* Phải nói sao cho phải? -Rằng say phải, rằng tỉnh phải?  
Thế nào phải?

\* Nhìn hiện tượng trên quyết đoán của bản chất đâu là chân lý?

\* Người như vậy còn say còn tỉnh nữa sao?

\* Phải nói với Ngài thế nào cho phải?

\* Chỗ về của Ngài là đâu?

\* Bờ dương liễu, trăng tàn gió sớm.

## 12. Hạnh kỳ đặc

Thiền Sư Tu Diển ở đời Minh, sau khi ngộ đạo ở Thạch Môn, Ngài về trụ trì ở chùa Đông Sơn, chuyên tu hạnh đầu đà. Đêm nào Sư cũng cởi trần để bố thí cho muỗi. Có người thấy thế đem quần áo cúng cho Sư, nhưng Sư lại đem cho người khác. Như thế trải qua hơn 40 năm, Sư không hề tắm rửa.

Khi tịch Sư ngồi kiết già, làm kệ xong rồi an nhiên thị tịch. Đệ tử đem nhập tháp, một thời gian sau mở cửa tháp ra thấy Sư vẫn ngồi yên như trước.

**KỆ:**

Tứ thập niên lai thường tiến túc  
Bất thể đầu hề bất tháo dục  
Quần quan vị ngã hoán y sam  
Chỉ khứng bình sanh nguyện bất túc.

**DỊCH:**

Bốn chục năm liền thường cởi trống  
Đầu chẳng gọi chừ thân chẳng tắm  
Quần quan vì ngã đổi chiếc y  
Chỉ ngại bình sanh nguyện chẳng đủ.

**BÌNH:** Hạnh đầu đà cần khổ nhọc xác thân. Người tu cởi áo phơi mình hiến muỗi xơi. Suốt mấy mươi năm liền như vậy,

quả là một con người phi thường. Một việc làm không mấy ai làm được.

Do định lực, do trí lực, do nguyện lực, do gì mà Ngài được như vậy? Việc làm của Ngài thật khó nói. Ngài đâu không thông lý sự? Ngài là kẻ ngộ đạo kia mà. Thì việc làm của Ngài đâu phải là mù quáng. Ngài đã làm như vậy có mục đích gì và đã được lợi ích như thế nào? Việc này thật bí mật, không thể nói có làm như vậy mới gọi là tu (mục đích), và làm như vậy mới được an nhiên thị tịch (lợi ích), không thể y cứ như vậy. Vì với các vị khác thì sao? Và dù sao đi nữa, thì một sự thật vẫn hiển nhiên, vẫn sờ sờ đó, cho đến sau khi tịch một thời gian Sư vẫn ngồi đó.

**Trí thì không khác, hạnh thật khó lường. Trí hạnh không hai, diệu dụng bất tư nghì.**

### 13. Ông là Huệ Siêu

Một thiền khách tên Huệ Siêu, hỏi Thiền Sư Pháp Nhãn:

- Thế nào là Phật?

Pháp Nhãn đáp:

- Ông là Huệ Siêu.

Huệ Siêu nghe xong liền ngộ đạo.

**BÌNH:** Một lời chỉ thẳng đúng đích danh. Lột mặt nạ “CHƠN NHƠN” rồi.

### 14. Ba cân gai

Một thiền khách hỏi Ngài Động Sơn Thủ Sơ:

- Thế nào là Phật?

Động Sơn đáp:

- Ba cân gai.

**BÌNH:** “CHƠN NHƠN” hiện tiền.

## 15. Thế nào là Phật?

Hòa Thượng Đả Địa bình sanh ai đến hỏi đạo Ngài cũng lấy gậy đập xuống đất. Một hôm có vị thiền khách lén giấu gậy rồi hỏi Ngài:

- Thế nào là Phật?

Ngài quơ tay tìm gậy nhưng không có, liền hả họng to.

**BÌNH:** Muốn thấy mặt hồ phẳng, trước khi cá ăn mống.

## 16. Chỗ nào không phải là Phật?

Nam Tuyền, Qui Tông và Ma Cốc đi tham vấn Quốc Sư Huệ Trung, giữa đường Nam Tuyền vẽ một vòng tròn nói:

- Nói được thì đi, không nói được thì về.

Qui Tông liền vào trong vòng tròn, ngồi kiết già. Ma Cốc giả làm người nữ quỳ xuống đánh lễ.

Nam Tuyền nói:

- Thôi.

Xong cả ba đi về.

**BÌNH:**

Đêm rằm lễ sám hối  
Trăng rằm sáng vàng vạc  
Phật ngự trên tòa sen  
Phật tử lễ sám hối  
Công đức được vẹn toàn.

## 17. Khuôn thước người xưa

Ngũ Tổ Pháp Diễn dạy Ngài Phật Nhãn khi đi trụ trì:

1. Có phước không nên hưởng hết, hưởng hết thì họa sẽ đến.
2. Có thế lực không nên dùng hết, dùng hết sẽ bị khinh lờn.
3. Ngôn ngữ không nên nói hết, nói hết thì cơ chẳng mật.
4. Qui củ không nên hành hết, hành hết thì chúng không ở được. (Phải khéo linh động không nên quá chấp theo qui luật).

**BÌNH:** Người đi trụ trì nên nhớ lời dạy này.

## 18. Đồng hay khác

Một thiền khách hỏi Thiền Sư Ba Lăng:

- Tổ ý, giáo ý đồng hay biệt?

Ba Lăng đáp:

- Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước.

Về sau Ngài Bạch Vân Nghĩa Đoan phê bình lời đáp này, nói rằng Ba Lăng chỉ nói được năm phần, theo Ngài sẽ đáp:

Cúc thủy nguyệt tại thủ

Lộng hoa hương mãn y.

DỊCH:

Vốc nước trăng trong tay

Đùa hoa hương đầy áo.

Sau Ngài Trung Nguyên lại nói:

- Nghĩa Đoan cũng chỉ nói được tám phần, theo Ngài thì sẽ đáp:

- Như ngã vô minh xâu một chùm.

**BÌNH:** Tổ ý, giáo ý đồng hay biệt? Ý Tổ, ý kinh đồng hay khác?

- Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước. Vịt và gà khác loại. Vịt không là gà, gà không là vịt. Mỗi thứ giữ phận mình: Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước. Cái phận ấy nhằm ổn việc mình.

Người Việt Nam đói ăn cơm. Người Tây đói ăn bánh mì. Ngài Ba Lãng đã nói như vậy không lầm. Ngài Nghĩa Đoan lại muốn làm khéo, dè người xưa, giành phần mình, nói:

Vốc nước trắng trong tay

Đùa hoa hương đầy áo.

**Lời nói này bóng bẩy, thi vị thay. Nước trắng trong tay, nắm mà không dính. Hương hoa đầy áo, vương mà không nhiễm. Cũng là những muốn làm thơm làm đẹp.**

Và rồi, cũng là nghiệp quả, Ngài Nghĩa Đoan bị Ngài Trung Nguyên dè xuống, nói:

Nhơn ngã vô minh xâu một chùm.

Loay hoay đây cũng là việc nói trắng nói cuội. Cuội và cây đa vậy thôi.

## 19. Quý chỗ thực hành

Thi hào Bạch Cư Dị đến hỏi đạo Thiền Sư Ô Sào:

- Thế nào là căn bản Phật pháp?

Ô Sào đáp:

- Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.

Bạch Cư Dị thưa:

- Câu này con nít ba tuổi cũng thuộc.

Ô Sào bảo:



- Con nít ba tuổi cũng thuộc, nhưng ông già tám mươi tuổi làm cũng không xong.

**BÌNH:** Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành: Các ác chớ làm, điều lành vâng làm. Làm lành, lánh dữ. Lời này quả là trẻ con ba tuổi cũng thuộc, nhưng mà lời này ông già 80 tuổi làm không nổi; 79 năm tạo ác, đến năm 80 tuổi mới làm thiện, liệu có trừ 79 năm tạo ác kia được không?

**Việc tu quý ở chỗ thực hành, hành được ít cũng tốt hơn nói nhiều mà không làm, nên Cổ Đức nói: “Nói một truyện không bằng làm một thước, nói một thước không bằng làm một tấc”.**

## 20. Nêu gương bất khuất

Quốc Sư Nhật Quang Viên Minh Thường Chiêu (Nhật Hoàng phong tạng). Sư gốc Trung Hoa, sau khi ngộ đạo nơi Thiên Sư Vô Chuẩn, Sư đi du phương đến mỗi nơi đều có phát minh. Sau trong nước có loạn, Sư đến tỵ nạn ở chùa Ôn Nhân núi Nhạn Đẳng Ôn Châu. Khi giặc Minh kéo đến, tăng chúng chạy hết, duy chỉ có Sư ở lại. Giặc thấy Sư ngồi kiết già bèn lấy dao khứa cổ, Sư ngựa cổ ra và nói kệ:

Càn khôn vô địa trác công cung  
Thả hỉ như không pháp diệt không  
Trần trọng đại minh tam xích kiếm  
Điện quang ảnh lý trăm xuân phong.

DỊCH:

Trọn không chút đất cắm cây cung  
Mừng thấy như không pháp cũng không  
Trần trọng mời ông hươi kiếm bén  
Lướt nhanh trong bóng chém xuân phong.

Sư đọc kệ xong, thần sắc vẫn không thay đổi, khiến giặc hoảng hốt, lay tạ lỗi rồi rút lui. Sau Nhật Bản nghe danh thính Sư sang giáo hóa và phong làm Quốc Sư.

**BÌNH:**

Ví gặp gương đao thường thần thần  
Phỏng nhằm thuốc độc vẫn an nhàn.

Con người bình an đến như thế là cùng, gương đưa vào cổ vẫn còn ngâm nga kệ xướng. Trước môn quan vẫn điềm nhiên xem như không có. Việc sanh tử thật chẳng bận lòng.

Ngài thật xứng đáng với tôn vị Quốc Sư.

Kẻ đã không màng sống chết thì việc danh lợi có sá gì. Quốc Sư hay kẻ bần tăng cũng vậy thôi. Lá cờ rú hay phát cũng chỉ là lá cờ. Việc khác nhau đó chỉ là duyên. Phải duyên ngẩng đầu cửa cổ thì ngẩng đầu. Phải duyên ngắt ngưỡng tòa cao thì ngắt ngưỡng. Thế nào cũng chỉ là dung nghi một vị chân Tăng thôi.

Với cái kẻ “CÀN KHÔN VÔ ĐỊA”, “NHƠN KHÔNG PHÁP DIỆC KHÔNG” thì còn gì để nói. Có kiếm cũng nên quăng, có lời cũng nên ném, đập đầu mà đánh lễ tôn vinh cúng dường.

## 21. Các khổ không thể đến

Một thiền khách đến hỏi vị Cổ Đức:

- Khi lạnh, nóng đến làm sao tránh né?
- Trong chảo dầu lò lửa mà tránh né.
- Trong chảo dầu lò lửa làm sao mà tránh né?
- Các khổ không thể đến.

Sau Ngài Phật Quang Viên Mãn Quốc Sư có làm bài bình:

Lão khứ tha hương ngộ cố tri  
Điều điều huê thủ khước đồng qui  
Dạ thâm khả tận tôn tiền tử  
Mạc thuyết thiên nhai cước thống thi.

**DỊCH:**

Lão đến tha hương gặp cố tri  
Xa xôi tay nắm chặt nhau về  
Đêm khuya đã cạn chén rượu trước  
Chớ nói trên đường gót chân đau.

**BÌNH:** Một việc tránh né nóng lạnh thật tuyệt diệu. Hãy ngay trong “chảo dầu” “lò lửa” mà tránh né. Hay biết mấy. Vì nơi ấy các khổ không thể đến (đến bị cháy sao?).

Thật lý thú biết bao! Việc sanh tử hãy như vậy mà tránh né.

Quốc Sư Phật Quang Viên Mãn có lời bình thật hay. Ngài đã chỉ rõ chỗ tránh né.

Người khách qua lại trên nẻo đường sanh tử, gặp lại bạn cố tri. Gặp lại rồi người bạn cố tri ngay trên đường sanh tử thì hãy “ĐỀ HUỆ” lưng túi, gió, trăng, nhâm nhi mỹ tửu, thưởng thức hương nồng, bàn chi hành trình nhọc mỏi. Chuyện nhọc nhằn chỉ là chuyện trên đường. Nơi thảo luận chỉ có ta và ta ly rượu với đây, nốc cạn quần say mặc tình đất trời nghiêng đổ, chuyện nhọc nhằn có không.

## 22. Đạo tại hành động

Cư sĩ Quách Đạo Nhơn chuyên làm nghề thợ rèn. Một hôm ông đến chùa Cảnh Đức tham cứu với Thiền Sư Trung. Trung bảo:

- Ông bỏ hết những cái nặng đi rồi xoay lại ông mà tham cứu thì việc gì cũng xong.

Sau đó một thời gian, ông trở lại gặp Thiền Sư Trung. Trung bảo:

- Thiện ác như mây nổi, sanh diệt không chỗ nơi.

Ông nghe liền đại ngộ. Sau đó ông hay nói những lời lạ. Trước khi chết ông đi già từ bà con, bè bạn xong về nhà làm một bài kệ để lại rồi ngồi kiết già mà tịch.

Kệ:

Lục thập tam niên đã thiết  
Nhật dạ thiền bành bất kiệt  
Kim triều phóng hạ thiết chùy  
Hồng lô biến thành bạch tuyết.

Dịch:

Sáu mươi ba năm đập sắt  
Ngày đêm quạt lửa chẳng thôi  
Hôm nay chùy sắt buông rời  
Lò hồng biến thành tuyết trắng.

**BÌNH:** Người cư sĩ hành nghề thợ rèn, vậy mà nghiệp chướng nhẹ. Một phen nghe đạo liền chợt tỉnh. Quặng hết sắt chùy ống bể. Một phen tắt ngúm lò hồng, ngay đó trở thành tuyết trắng.

Thật là một kẻ phi thường. Việc kiến đạo giải thoát đâu phải chỉ dành cho kẻ trí thức đạo gia. Một tay thợ rèn, khi quặng búa tắt lò thì liền đó bể lửa hóa thanh lương, rảnh tay đạo khúc vô sanh.

## 23. Lăng Già nguyệt

Đời vua Lý Thái Tổ, Thiền Sư Huệ Sinh có làm bài kệ:

Pháp bốn như vô pháp	Phi hữu diệt phi vô
Nhược như tri thủ pháp	Chúng sanh dữ Phật đồng
Tịch tịch Lăng Già nguyệt	Không không độ hải chu
Tri không không giác hữu	Tam muội nhậm thông châu.

**Giải thích:**

**Câu một:** Pháp bốn là pháp gốc mà Lục Tổ nói: đâu ngờ tánh mình lâu nay vốn đầy đủ muôn pháp. Pháp gốc như không có pháp vậy.

**Câu hai:** Không phải có mà cũng không phải không (ví dụ tấm màn trên màn bạc, khi quay phim thì có bóng hình, hết quay thì hiện rõ tấm màn, trong khi quay thì không phải không có tấm màn).

**Câu ba:** Nếu người nào biết được cái pháp ấy.

**Câu bốn:** Chúng sanh cùng với Phật giống nhau (Phật có cái đó chúng ta cũng có cái đó).

**Câu năm:** Lặng lẽ mặt trăng trên núi Lăng Già (ngọn núi mà đức Phật giảng Kinh Lăng Già, Kinh Lăng Già được Tổ Đạt Ma dùng để ẩn tâm, cho nên nói tới núi Lăng Già là nói Thiền. Tinh thần Thiền: núi thì yên lặng mà mặt trăng thì sáng suốt chiếu soi, trong cái định có cái sáng cho nên trong tịch mà có cái chiếu, trong cái định là ngọn núi Lăng Già, trong cái chiếu là mặt trăng, vì vậy nói tịch tịch Lăng Già nguyệt).

**Câu sáu:** Con thuyền qua biển một cách không không: hai chữ “KHÔNG” nghĩa là con thuyền “KHÔNG NGÃ, KHÔNG PHÁP” đưa mình qua biển. Sở dĩ chúng ta tu mà phiền não rối rắm làm tu không được là tại “CHẤP NGÃ, CHẤP PHÁP”. Chấp ngã, chấp pháp cho nên tu không tiến, không ngộ, nếu cái ngã pháp mà dẹp được rồi thì giác ngộ nó đến, vì vậy “KHÔNG KHÔNG ĐỘ HẢI CHU” là chỉ con thuyền “BÁT NHÃ”: là phá sạch ngã chấp và pháp chấp, đó là con thuyền đưa mình qua biển.

**Câu bảy:** Biết không, không rồi mới có: giống như Lục Tổ nói: bản lai vô nhất vật, đâu ngờ tánh mình mình xưa nay vốn đầy đủ, đâu ngờ tánh mình xưa nay thanh tịnh đó là “CÓ”, biết Không Không rồi biết có, được như vậy đó... thì mặc tình...

**Câu tám:** Ngao du trong cõi chánh định, như vậy gọi là du hí tam muội đi tất cả chỗ, làm tất cả việc, mà luôn luôn ở trong chánh định.

Đó là một Thiền Sư Việt Nam.

## 24. Tuệ Trung Thượng Sĩ

Cư sĩ Tuệ Trung Thượng Sĩ (đời Trần) làm kệ:

Kiến giải trình kiến giải	Tự viết mục tác quái
Viết mục tác quái dĩ	Liễu minh thường tự tại.

Đem cái kiến giải mà trình cho cái kiến giải. Cái kiến giải là cái hiểu biết của mình mà đem trình cho người ta biết, kiến giải này trình kiến giải kia, giống như dụi con mắt rồi nhìn ra ngoài trời thấy hoa đốm lăng xăng. Cho nên tự viết mục tác quái, mình dụi con mắt rồi nhìn ra trời nắng thấy chớp chớp hoa đốm lăng xăng, nhưng hoa đốm đó có thiệt không? Nó không thiệt là quái, khi cái dụi mắt qua rồi bình tĩnh lại thì lúc đó rõ ràng thường tự tại. **Để nói lên rằng khi chúng ta còn sống với cái niệm hiểu biết lăng xăng thì không khác nào như hoa đốm ở hư không. Khi những cái đó lặng rồi thì con mắt được sáng.** Dụ trên màn ảnh bóng mình đương rọi thì những bóng đó lăng xăng lắm, chừng bóng dừng rồi thì mới thấy cái màn thiệt nguyên vẹn là cái màn, như vậy khi dừng lại, hay cái đuổi bắt nó hết thì nó rõ ràng thường tự tại.

Cư sĩ Trần Thánh Tông làm kệ:

Minh minh thường tự tại	Diệc viết mục thành quái
Kiến quái bất kiến quái	Thùy quái tức tự hoại.

Rõ ràng thường tự tại mà ẩn mất thành quái, khi thấy quái mà mình không quái thì cái quái đó tự hết (cũng như khi coi bóng hiện đủ thứ hình ảnh mà mình biết đó là bóng thì bóng đó tự hết. Đa số người coi bóng thì nhớ bóng và thấy là thiệt rồi cười khóc theo đó cũng như thấy quái cho là thiệt chớ không biết là quái), nếu thấy quái mà biết quái thì quái nó tự hoại, nhìn trên màn bạc biết đó là bóng, nó có mặt một lát, hết rồi màn cũng y nguyên.

Như vậy quý vị thấy một cư sĩ (vua) bộn rộn mà vẫn hiểu Thiền được.

## PHẦN SÁU

# THƠ KỆ

Những bài thơ kệ sau đây do Thầy Viện Chủ sáng tác.

### 1. MỘNG

Gá thân mộng  
Dạo cảnh mộng  
Mộng tan rồi  
Cười vỡ mộng  
Ghi lời mộng  
Nhấn khách mộng  
Biết được mộng  
Tỉnh cơn mộng.

1980

### 2. PHÁ NGÃ

Mạng sống trong hơi thở  
Trong nhịp đập quả tim  
Thế nào là mạng sống  
Sự vay mượn liên tục.

1982

### 3. GIÓ NGHIỆP

Dem vào là nhờ gió  
Tống ra cũng gió đưa  
Sự hô hấp tuần hoàn  
Tất cả đều do gió  
Một phen gió nghiệp dừng  
Thân này như khúc gỗ.

1983

#### 4. CUỘC ĐỜI QUA MẮT TÔI

Chiếc thân tứ đại khói  
Sinh hoạt thế gian mây  
Thành công khói nước đá  
Thất bại chum bọt tan  
Nhục vinh bong bóng nước  
Thương ghét hạt sương mai  
Khổ vui trong giấc mộng  
Lành dữ bóng chim bay  
Tháng ngày cái chớp mắt  
Còn mất nước trăng lay  
Chung cuộc cơn gió thoảng  
Viên mãn bầu trời trong.

**6/1984**

#### 5. CHIẾC THÂN PHÚT CHÓT

Còn động còn ấm còn ta  
Động dừng ấm hết thì ma ra đồng  
Thở than khóc lóc não lòng  
Thức thần theo nghiệp hết mong trùng phùng.

**Tháng Chạp 1984**

\* Nhân con chó Tiểu Phệ chết, thị giả khóc,  
Thầy Viện Chủ dạy bài kệ này.

#### 6. CHƠN KHÔNG

Chơn không thể bất biến  
Huyễn hữu thường đổi thay  
Khói mây bọt bóng nước  
Tan hợp cuộc vần xoay  
Linh lung trắng rọi biển  
Xanh biếc núi im lìm  
Ngút ngàn mặt bể cả  
Thăm thăm bầu trời xanh  
Đường phố xe qua lại



Sông biển tàu tới lui  
Dòng đời duyên biến đổi  
Bệ đá đạo nhân ngồi.

### 7. ĐƯỜNG TIÊU DAO

Đầy con đường tiêu dao  
Rộng bằng lại thẳng tắp  
Đầu cửa cổng Chơn Không  
Đuôi ngọn đời Tụ Tại  
Xa đến khách xuất trần  
Khách xá, trai đường đón  
Mãng cầu, nhãn, mít khoe  
Hoa giấy, anh đào cợt  
Dưới phố vang nhạc mừng  
Gió Đông lộng tà áo.

### 8. ĐƯỜNG ĐẠI MAI

Đường Đại Mai uốn cong  
Cấp rải đều rồng cuộn  
Đại xòe lá che râm  
Mai đón Đông cười mỉm.

### 9. ĐƯỜNG THẠCH ĐÀU

Đường Thạch Đầu thuở nọ  
Đặng Ân Phong té nhào  
Đường Thạch Đầu hiện tại  
Khách đi lòng nao nao.

Bốn bài thơ sau (6, 7, 8, 9) do trong giữa mùa hạ 1985, Thầy Viện chủ đã ngẫu hứng qua cảnh sắc “CHƠN KHÔNG” mà ứng ra.

## 10. TẶNG BẠN

Bạn biết chẳng cuộc đời đầy đau khổ  
Bởi con người mải gieo rắc hận thù  
Gây đau thương gây tang tóc ngục tù  
Rốt cuộc chỉ còn là cơn ác mộng

Nào lợi danh nào tài sắc  
Từ xa nhìn chúng óng ánh lung linh  
Bọn mình đua nhau tranh giành đuổi bắt  
Nắm được rồi nhìn lại chỉ tay không  
Chúng vốn là những chum bọ trên sông  
Còn chi đâu chỉ toi công nhọc sức.

Trời trong xanh rờn khóm hoa cười mỉm  
Nhạc đế nhẹ nhàng, giọng chim thánh thót  
Chính nơi này đã hiện rõ chân nhân  
Hận ngàn năm đều tan nát trong mơ  
Đâu còn nữa những khổ đau buổi trước.

Muốn thấy nó bạn đừng theo vọng tưởng  
Niệm lắng xặng chìm lắng biển thanh bình  
Đến đây rồi hạnh phúc khó thừa trình  
Chỉ xem thấy nụ cười luôn hé nở.

1992

\* Bài này, chúng tôi tự thêm vào vì Hòa Thượng sáng tác lúc sau này. Quý vị muốn biết nghĩa lý xin xem phần phụ lục quyển Thiền Tông Việt Nam Cuối Thế kỷ XX, chúng tôi ghi ra từ trong băng cassette khi Ngài giải thích nghĩa lý bài này.

SUỐI TRẮC BÁ